



Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:

Số fax:

Website:

Email:

Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Khu Phố Hòa Lân 1, Phường Thuận
Giáo, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

0605.3822602

0605.3823922

www.bimico.com.vn

bimico@binhduong.com.vn



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG

BÌNH DƯƠNG

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2013

Thông tin chung

Tên giao dịch	:	CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG
Tên tiếng Anh	:	BINH DUONG MINERAL AND CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	:	BIMICO
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	:	4603000226 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 27/04/2006 và được thay đổi lần 9 ngày 4/11/2013
Mã số doanh nghiệp	:	3700148825
Vốn điều lệ	:	180.000.000.000 đồng (<i>Một trăm tám mươi tỷ đồng</i>)
Địa chỉ trụ sở chính	:	Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Khu Phố Hòa Lân 1, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam (BC BGD)
Số điện thoại	:	(84.0650) 3822.602
Fax	:	(84.0650) 3823.922
Email	:	bimico@binhduong.com.vn
Website	:	www.bimico.com.vn
Mã cổ phiếu	:	KSB





NỘI DUNG

GIỚI THIỆU

- 09 Quá trình hình thành và phát triển
- 10 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 13 Mô hình quản trị và cơ cấu tổ chức
- 15 Định hướng phát triển
- 17 Rủi ro

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- 35 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- 37 Tình hình tài chính
- 38 Những cải tiến trong cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý
- 39 Kế hoạch phát triển năm 2014

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 53 Hội đồng quản trị
- 56 Ban kiểm soát
- 58 Các khoản lợi ích của HĐQT, BGD, BKS

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 21 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 23 Tổ chức nhân sự
- 25 Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án
- 29 Tình hình tài chính
- 32 Cơ cấu cổ đông và thay đổi vốn chủ sở hữu

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 48 Đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty
- 49 Đánh giá về hoạt động của Ban Giám đốc
- 50 Kế hoạch, định hướng của Hội Đồng Quản Trị

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 62 Ý kiến kiểm toán
- 63 Báo cáo tài chính



THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa: Quý cổ đông, Quý khách hàng cùng toàn thể Cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần khoáng sản và xây dựng Bình Dương.

Năm 2013 là năm thứ sáu Việt Nam rơi vào tình trạng trì trệ, tăng trưởng dưới mức tiềm năng, tình hình nợ xấu chưa được giải quyết triệt để, tăng trưởng tín dụng thấp dẫn đến doanh nghiệp khó khăn trong tiếp cận vốn vay và thị trường bất động sản, xây dựng cũng chưa có dấu hiệu khởi sắc. Những khó khăn đó đã gây ảnh hưởng mạnh đến sự tăng trưởng của các doanh nghiệp nói chung cũng như của Công ty cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương nói riêng.

Trước những thách thức và khó khăn đó, Hội đồng quản trị đã cùng với Ban Tổng Giám Đốc và toàn thể cán bộ nhân viên luôn nỗ lực không ngừng để có được những kết quả trong năm 2013 như sau: Doanh thu thuần đạt 538,5 tỷ đồng (bằng 94,56 % kế hoạch), lợi nhuận sau thuế đạt 83,2 tỷ đồng (bằng với 94,90 % kế hoạch). Mặc dù kết quả trên chưa thực sự đáp ứng được như kỳ vọng theo nghị quyết ĐHĐCĐ 2013 đưa ra, Nhưng so với tình hình chung, thì kết quả đó tương đối cơ bản và toàn diện giữ vững được sự ổn định.

Dự báo năm 2014 kinh tế nước ta vẫn còn nhiều khó khăn, chủ trương của Chính phủ là: " Tập trung cao cho ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, đồng

thời tranh thủ thuận lợi, tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh". Đầu tư công, vẫn ở mức thấp, chưa lấy lại được đà tăng trưởng. Nhu cầu thị trường về vật liệu xây dựng, bất động sản không tăng trong khi hàng hóa tồn kho nhiều, chi phí sản xuất, nghĩa vụ tài chính tăng, nhiều qui định pháp luật bắt buộc phải tuân thủ tuyệt đối... sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tuy nhiên, với kết quả sản xuất kinh doanh nhiều năm qua và những lợi thế kinh doanh đang có và đầu tư mới hoàn thành đi vào hoạt động. Công ty CP khoáng sản và xây dựng Bình Dương hoàn toàn có thể xây dựng được những mục tiêu và các giải pháp rất cụ thể để nhằm mang lại lợi ích cao nhất cho cổ đông cũng như toàn thể cán bộ nhân viên của Công ty trong năm 2014 và những năm tiếp theo.

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi chân thành cảm ơn Quý cổ đông, Quý khách hàng đã tin tưởng chúng tôi trong suốt thời gian qua. Tôi mong rằng Công ty sẽ tiếp tục nhận được sự ủng hộ và hợp tác của Quý vị trong những năm tiếp theo.

Kính chúc Quý vị một năm tràn đầy sức khỏe, hạnh phúc và thịnh vượng.

Trân trọng
Chủ tịch HĐQT

TÂM NHÌN

Công ty cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương phấn đấu để trở thành doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực Khai thác Khoáng sản

SỨ MỆNH

Đầu tư đa dạng hoá sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm đem lại sự ổn định để phát triển bền vững cho công ty và thỏa mãn ngày càng tốt hơn với nhiều nhu cầu của khách hàng.



GIỚI THIỆU

- 09** Quá trình hình thành và phát triển
- 10** Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 13** Mô hình quản trị và cơ cấu tổ chức
- 15** Định hướng phát triển
- 17** Rủi ro

Quá trình Hình thành và Phát triển



Lịch sử hình thành và phát triển

- 1993** Thành lập ngày 13 / 01 / 1993 theo quyết định số 62/QĐUB của UBND tỉnh Sông Bé nay là tỉnh Bình Dương, tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước.
- 2006** Tháng 5/2006, Công ty được cổ phần hóa với vốn điều lệ là 70 tỷ đồng, với 51% được Nhà nước nắm giữ .
- 2007** Năm 2007, đăng ký Công ty đại chúng
- 2010** Tháng 1/2010, Công ty tăng vốn điều lệ lần thứ nhất lên 107 tỷ đồng, niêm yết cổ phiếu tại HOSE với mã chứng khoán KSB, vốn nhà nước 50,5%
- 2012** Ngày 9/3/2012, Công ty tăng vốn điều lệ lần hai lên 180 tỷ đồng, vốn nhà nước 50,5%

Các sự kiện nổi bật năm 2013

- **Bảng khen của Chủ tịch UBND Tỉnh Bình Dương:** Đã có thành tích xuất sắc trong sản xuất kinh doanh góp phần vào sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của Tỉnh Bình Dương năm 2013.
- **Bảng khen của UBND Tỉnh Bình Dương:** có thành tích đóng góp trong công tác mặt trận năm 2013.

Các thành tích tiêu biểu khác



Ngành nghề Địa bàn kinh doanh



Ngành nghề kinh doanh

- Thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản.
- Sản xuất vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn, các loại thép hình.
- Xây dựng cơ sở hạ tầng kinh doanh bất động sản (khu công nghiệp, khu dân cư)
- Xây dựng hạ tầng kỹ thuật ngành khai thác mỏ (phi kim loại) điện cơ mỏ, đường giao thông.
- Sản xuất nước uống tinh khiết đóng chai.
- Kinh doanh các loại vật liệu xây dựng, các dịch vụ: cho thuê nhà xưởng, nhà ở, xử lý nước thải và các dịch vụ khác



Kinh doanh CSHT- KCN



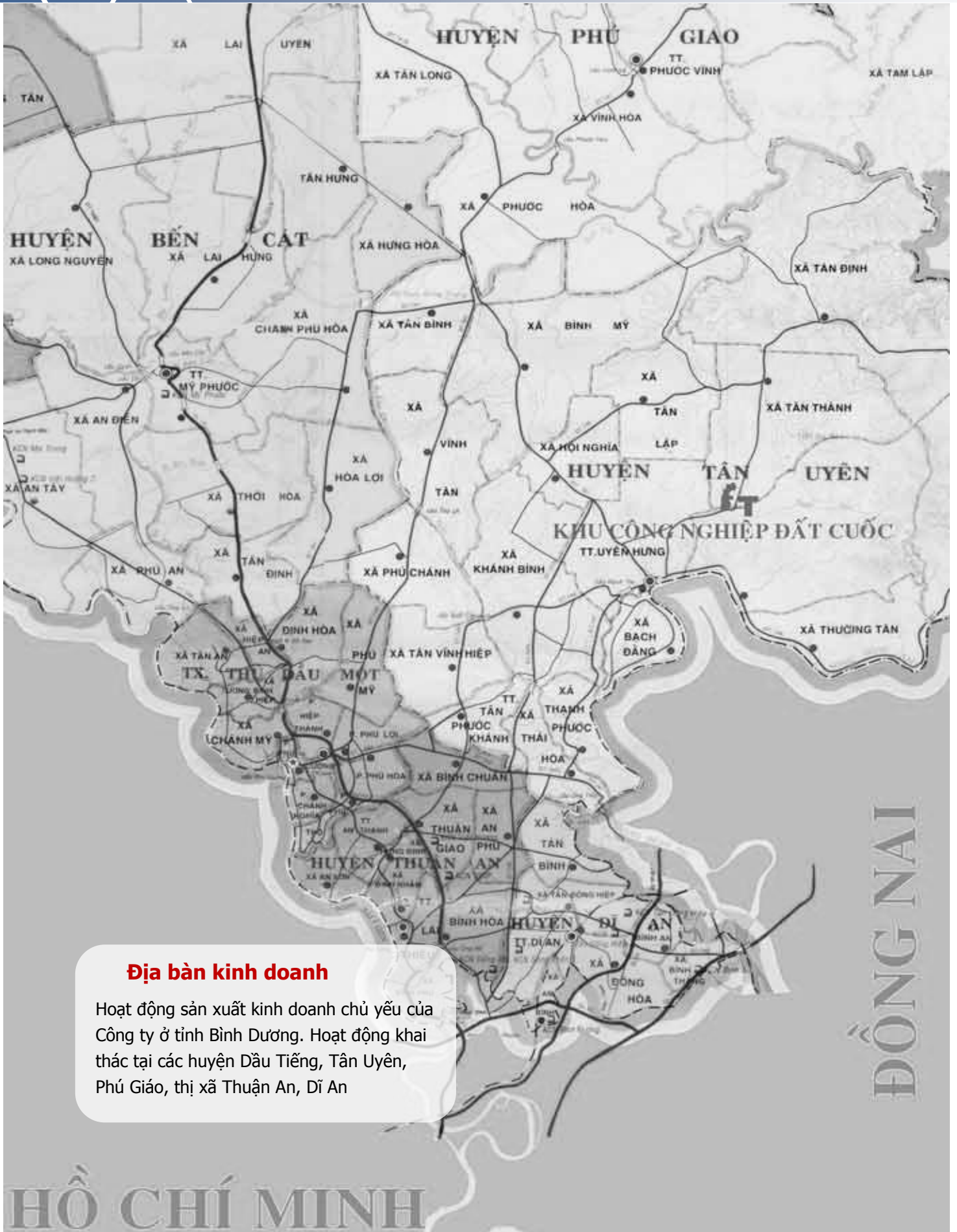
Khai thác- Chế biến khoáng sản



Sản xuất- kinh doanh VLXD



Sản xuất nước uống tinh khiết



Địa bàn kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty ở tỉnh Bình Dương. Hoạt động khai thác tại các huyện Dầu Tiếng, Tân Uyên, Phú Giáo, thị xã Thuận An, Dĩ An



Mỏ đá Phước Vĩnh



Mỏ đá Tân Đông Hiệp



Cao lanh Tân Thành



Mỏ đá Tân Mỹ

GIỚI THIỆU CÁC NHÀ MÁY, XÍ NGHIỆP

1. Xí nghiệp khai thác và chế biến đá Tân Đông Hiệp

Địa chỉ: xã Tân Đông Hiệp, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

2. Ban quản lý Cụm mỏ đá Tân Đông Hiệp

Địa chỉ: xã Tân Đông Hiệp, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

3. Xí nghiệp khai thác và chế biến đá Phước Vĩnh

Địa chỉ: Thửa đất số 305, TĐĐ số 57, thị trấn Phước Vĩnh, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương

4. Xí nghiệp khai thác và chế biến đá Tân Mỹ

Địa chỉ: Thửa đất số 972, TĐĐ số 58, ấp 1, xã Tân Mỹ, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

5. Xí nghiệp khai thác và chế biến cao lanh Tân Thành

Địa chỉ: Thửa đất số 67 và 303, TĐĐ số 37 và 38, ấp Suối Sâu, xã Đất Cuốc, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

6. Xí nghiệp khai thác và chế biến cao lanh Minh Long

Địa chỉ: Ấp 1, xã Minh Long, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

7. Xí nghiệp khai thác cát Dầu Tiếng

Địa chỉ: Thửa đất 159, TĐĐ 38, ấp Đồng Sến, xã Định An, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương

8. Xí nghiệp vận tải, bốc dỡ và xử lý môi trường Tân Mỹ

Địa chỉ: xã Tân Mỹ, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

9. Xí nghiệp sản xuất bê tông đúc sẵn

Địa chỉ: xã Đất Cuốc, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

10. Nhà máy gạch Bình Phú

Địa chỉ: xã Tân Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

11. Xí nghiệp khảo sát, thiết kế và thi công xây dựng

Địa chỉ: phường Thuận Giao, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

12. Xí nghiệp đầu tư phát triển khu công nghiệp Đất Cuốc

Địa chỉ: xã Đất Cuốc, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

13. Xí nghiệp Bình Đức Tiến

Địa chỉ: đường Phan Thanh Giản, tổ 25, khu phố Bình Đức 1, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

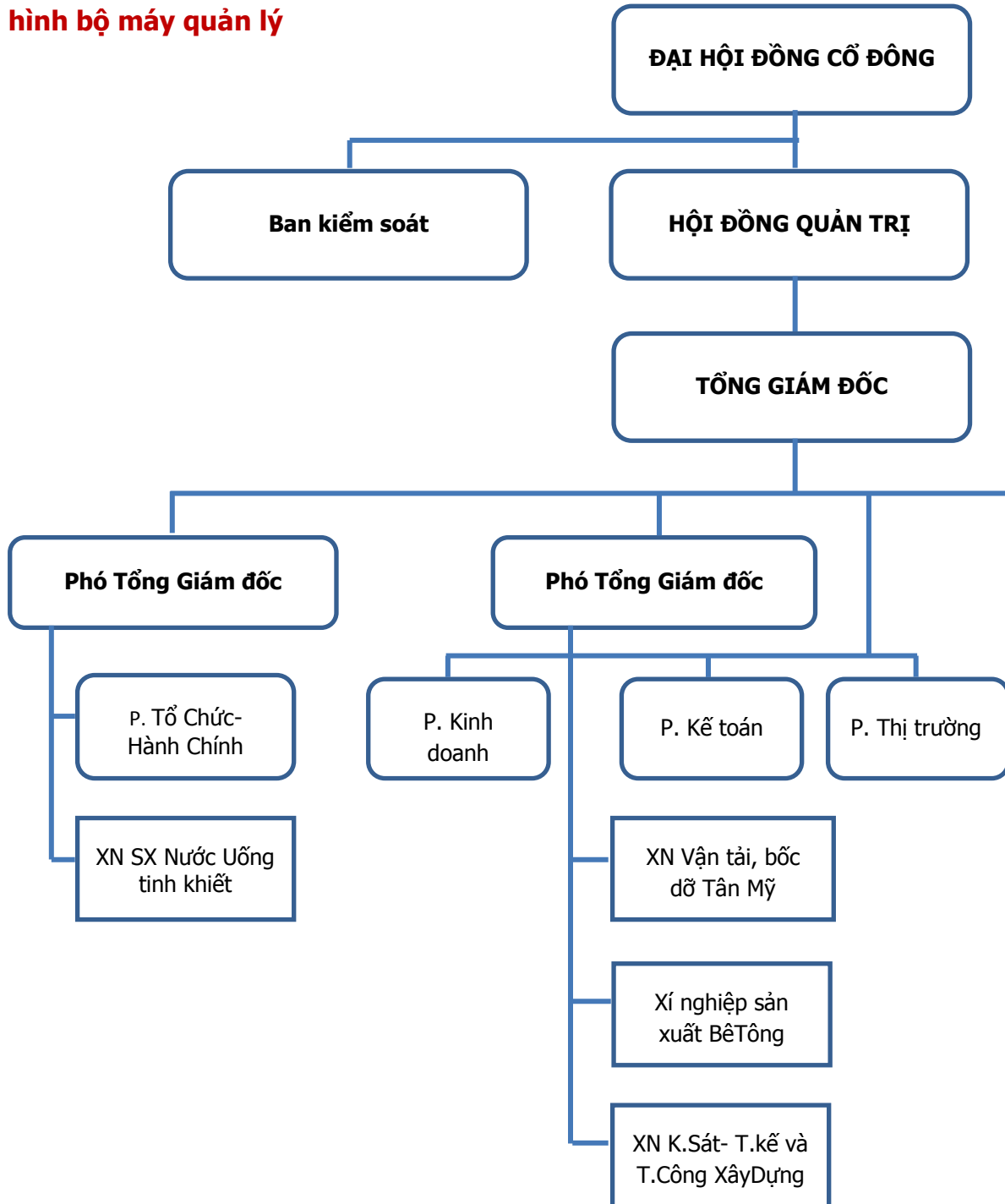
14. Xí nghiệp sản xuất nước uống tinh khiết đóng chai

Địa chỉ: phường Thuận Giao, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương

Mô hình Bộ máy quản lý



Mô hình bộ máy quản lý

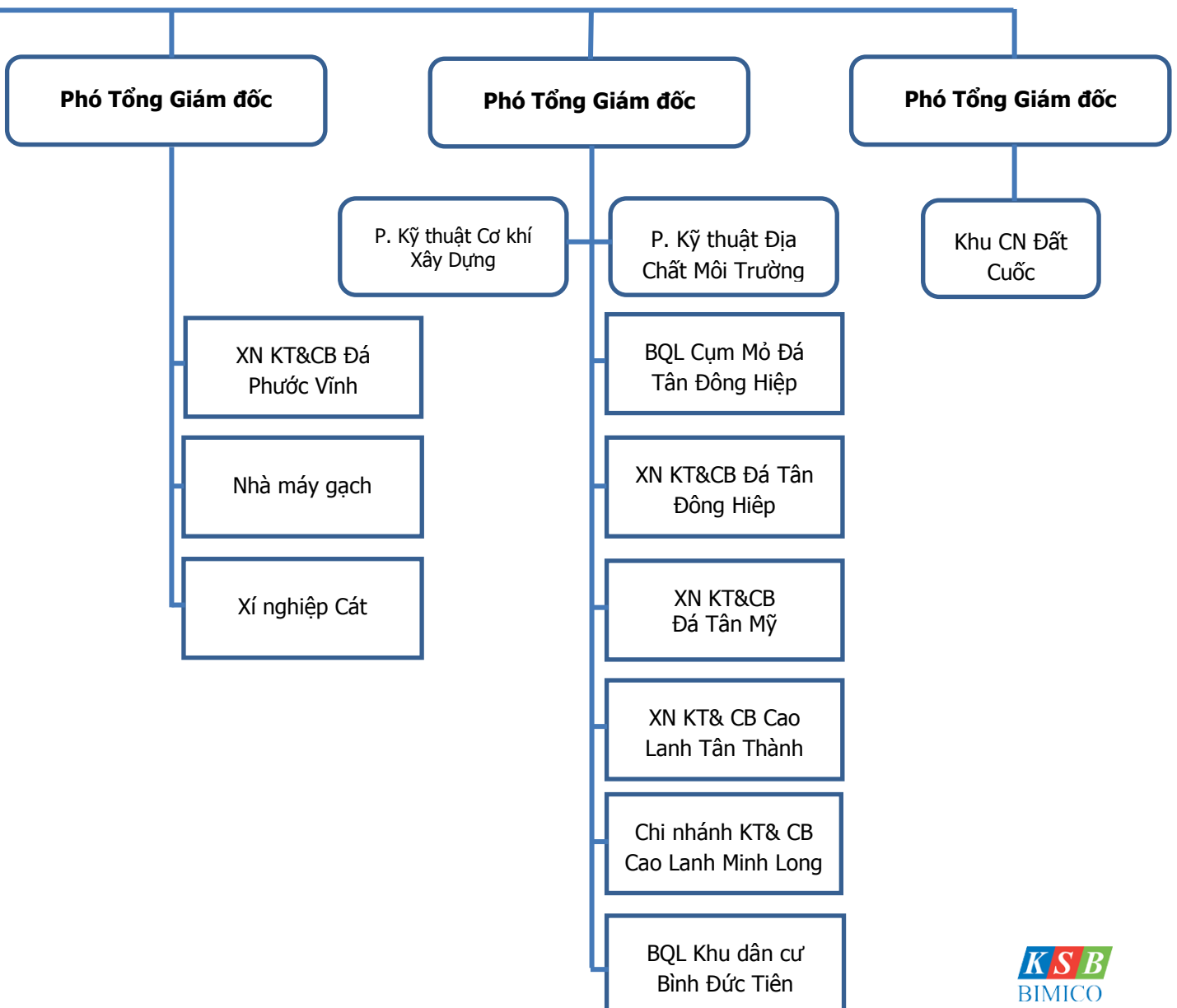


Công ty hoạt động và quản trị theo mô hình công ty cổ phần với cơ cấu như sau:

- **Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ):** Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết. ĐHĐCĐ họp mỗi năm ít nhất 1 lần nhằm quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty Quy định.
- **Hội đồng quản trị (HĐQT):** Là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề có liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Hiện tại HĐQT của công ty có 05 người.
- **Ban Kiểm soát:** Là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính của Công ty.
- **Ban Tổng giám đốc:** Bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng điều hành hoạt động của Công ty. Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua.

Các Công ty con, Công ty liên kết:

Không có



Định hướng Phát triển



Các mục tiêu chủ yếu của công ty

- Khai thác, chế biến khoáng sản là ngành kinh doanh trọng yếu, chủ lực là điều kiện để tích lũy và phát triển các lĩnh vực kinh doanh khác.
- Sản xuất vật liệu xây dựng nguyên liệu chủ yếu từ khoáng sản, bằng công nghệ hiện đại, phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế xã hội .
- Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư phục vụ các nhà đầu tư trong và ngoài nước, nhu cầu của người dân.
- Khai thác các nguồn lực, tiềm năng hiện có: quĩ đất, cơ sở hạ tầng của mỏ sau cải tạo phục hồi môi trường để kinh doanh dịch vụ tạo nguồn thu mới.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Khai thác, chế biến khoáng sản là chủ lực, là cốt lõi của công ty.
- Duy trì và củng cố các mỏ hiện có, tìm kiếm phát triển mỏ mới
- Đổi mới công nghệ, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản, sản xuất vật liệu, môi trường...
- Đầu tư đa dạng hoá sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm đem lại sự ổn định để phát triển bền vững cho công ty và đáp ứng nhu cầu khách hàng ngày càng tốt hơn.
- Giữ vững vị thế của công ty trên thị trường: CTCP Khoáng Sản và Xây Dựng Bình Dương sẵn sàng hợp tác với tất cả khách hàng, đối tác để cùng hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả.
- Tập trung đầu tư các lĩnh vực chính có chọn lọc phục vụ cho sản xuất kinh doanh hiện tại và mục tiêu lâu dài.
- Thực hiện đúng các qui định pháp luật đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.



Các mục tiêu đối với môi trường & xã hội

Hoạt động xã hội trong năm 2013:

Số tiền ủng hộ trực tiếp và thông qua các cơ quan đại diện năm 2013 là:

Quĩ vì người nghèo của Tỉnh (UB.MTTQ Tỉnh)	3.000.000.000đ
Quĩ vì người nghèo của các xã phường trong địa bàn	23.000.000đ
Hỗ trợ xây dựng nhà tình thương, tình nghĩa các địa phương trong tỉnh (LĐ.TBXH)	240.000.000đ
Hỗ trợ hội bảo trợ chất độc da cam	31.000.000đ
Hỗ trợ trẻ em nghèo, học sinh vượt khó	303.000.000đ
Hỗ trợ các hộ dân xung quanh các mỏ khai thác khoáng sản (nước, điện..)	387.510.561đ
Ủng hộ đồng bào lũ lụt miền Trung	100.000.000đ
Hỗ trợ các huyện, xã, phường trong tỉnh nơi có hoạt động sản xuất kinh doanh	1.540.000.000đ
Các khoản hỗ trợ khác có liên quan đến hoạt động SXKD	2.175.505.480đ
Tổng cộng	7.800.016.041đ

Nguồn hỗ trợ và ủng hộ là: Quĩ khen thưởng, phúc lợi tạm trích năm 2013, số dư quĩ lũy kế và các nguồn khác.

Các hoạt động xã hội dự kiến trong năm 2014

Phối hợp chặt chẽ với các xã, huyện nơi có hoạt động khai thác mỏ và các lĩnh vực sản xuất khác để thống nhất các chủ trương và triển khai thực hiện các công việc cụ thể như sau:

- Đối với người dân:
 - + Hỗ trợ việc làm;
 - + Đền bù thiệt hại hoa màu;
 - + Thăm hỏi và chăm sóc sức khỏe hàng tháng, quý, ngày tết, ngày lễ;
 - + Xử lý những bất cập khiếu nại để người dân chia sẻ và ủng hộ,
- Phụng dưỡng mẹ Việt Nam Anh Hùng, xây nhà tình nghĩa; Hỗ trợ trẻ em khuyết tật mồ côi, bị nhiễm chất độc da cam, trái tim cho em các vùng thiên tai, vùng sâu, vùng xa; Gây quỹ vì người nghèo.
- Đối với địa phương đóng góp xây dựng: đường giao thông, điện, nước bằng hạ tầng, bằng tiền, bằng vật liệu xây dựng và nhiều hình thức khác.



Rủi ro

Rủi ro kinh tế

Tốc độ tăng trưởng GDP là thước đo sự phát triển kinh tế nói chung và phản ánh một cách tương đối tốc độ phát triển của các doanh nghiệp. Bởi vì khi nền kinh tế thịnh vượng sẽ kéo theo sự tăng trưởng nhu cầu đầu tư của xã hội, từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng. Ngược lại, tình trạng lạm phát tăng sẽ khiến giá cả và các chi phí đầu vào tăng, có thể khiến cho doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp giảm mạnh. Những điều đó cho thấy, các yếu tố vĩ mô ảnh hưởng rất nhiều đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Bimico nói riêng và các doanh nghiệp nói chung.

Trong năm 2013, nền kinh tế Việt Nam có bước phục hồi, kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, lạm phát được kiểm soát (mức độ lạm phát năm 2013 là 6,04%). Tăng trưởng GDP cả năm ước tính khoảng 5,4%. Tuy nhiên, sự phục hồi kinh tế này chưa mang tính bền vững nên vẫn còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ xấu.



Rủi ro đặc thù

Hiện nay, Công ty hoạt động trong nhiều lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh; tuy nhiên, doanh thu chính của Công ty vẫn chủ yếu là từ lĩnh vực khai thác và chế biến khoáng sản. Bản thân ngành khai thác và chế biến khoáng sản có những rủi ro tiềm ẩn đặc thù về trữ lượng, hàm lượng khoáng, điều kiện khai thác tác động đến môi trường sống, hạ tầng kỹ thuật khu vực khai thác, môi trường đô thị; dây chuyền, quy trình sản xuất... Bất kỳ rủi ro nào cũng đều có thể dẫn đến nguy cơ mở bị đóng cửa, ảnh hưởng nặng nề đến hoạt động của Công ty. Bên cạnh đó, các ngành nghề kinh doanh khác của Công ty còn mang tính nhỏ lẻ, tỷ trọng thị phần thấp, khả năng cạnh tranh trên thị trường còn yếu.

Rủi ro luật pháp

Là một doanh nghiệp hoạt động theo mô hình công ty Cổ phần, công ty chịu sự điều chỉnh bởi các quy định pháp luật về Công ty cổ phần (Luật Doanh nghiệp), chứng khoán và thị trường chứng khoán (Luật Chứng Khoán), Thuế (Thu nhập Doanh nghiệp), lĩnh vực hoạt động (Luật Khoáng sản, Luật môi trường) và các luật khác vẫn đang trong quá trình hoàn thiện. Do đó việc thay đổi các văn bản pháp luật sẽ làm ảnh hưởng đến hoạt động và hiệu quả kinh doanh của Công ty.

Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro kể trên, thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn,... cũng là những rủi ro bất khả kháng có thể xảy ra gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Tuy nhiên, để hạn chế các thiệt hại xảy ra do rủi ro này gây ra, bên cạnh việc trang bị các thiết bị an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, Công ty cũng có các lớp hướng dẫn nhân viên về nghiệp vụ cứu hộ cứu nạn phòng khi có rủi ro xảy ra.



Tình hình hoạt động





trong năm 2013

- 21** Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 23** Tổ chức nhân sự
- 25** Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án
- 29** Tình hình tài chính
- 32** Cơ cấu cổ đông và thay đổi vốn chủ sở hữu

Tình hình hoạt động Sản xuất kinh doanh



Tổng quan tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2012	Kế hoạch 2013	Thực hiện 2013	% TH/TH 2012	% TH/KH 2013
Doanh thu thuần	569.617.654.404	569.500.000.000	538.531.647.460	94,54	94,56
Lợi nhuận trước thuế	121.183.639.433	117.000.000.000	112.518.114.115	92,85	96,17
Lợi nhuận sau thuế	90.380.959.260	87.750.000.000	83.277.075.822	92,14	94,90
Cổ tức	30%	25%	30%		

Dựa vào một số chỉ tiêu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trên đây có thể thấy rằng năm 2013 Công ty hoạt động chưa đạt được như kỳ vọng và kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông giao phó. Sự khó khăn của kinh tế năm 2013 đã ít nhiều ảnh hưởng kết quả của công ty trong năm qua. Trong đó, các khoản doanh thu và lợi nhuận sau thuế đã thực hiện chỉ đạt lần lượt là 94,56% và 94,90% so với kế hoạch, đồng thời so với cùng kỳ năm 2012 doanh thu và lợi nhuận sau thuế chỉ bằng 94,54% và 92,14%. Tuy nhiên dù Công ty chưa đạt được kết quả như kỳ vọng nhưng Công ty vẫn cố gắng để đảm bảo mức chi trả cổ tức cho cổ đông ở mức 30%.

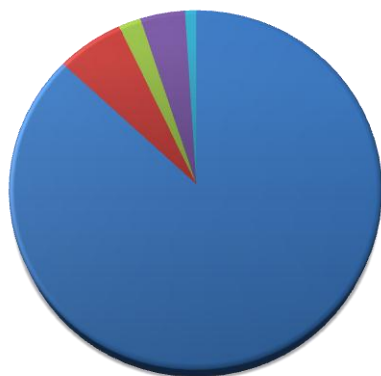


Cơ cấu doanh thu

Đơn vị tính: đồng

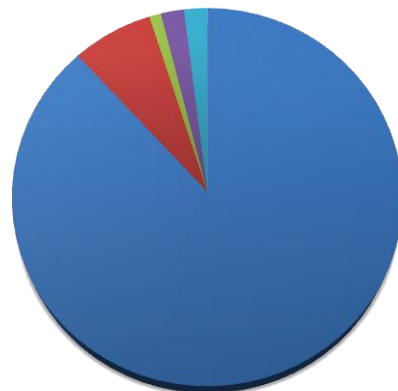
STT	Ngành nghề kinh doanh	Kế hoạch 2013	Thực hiện 2013	Thực hiện 2012	So sánh %	
					KH 2013	TH 2012
1	Ngành KT-CBKS	501.410.000.000	479.133.544.555	513.005.374.766	96	93
2	Ngành SX VLXD	43.090.000.000	32.592.831.015	39.268.204.974	76	83
3	Ngành SX nước tinh khiết, dịch vụ	7.000.000.000	8.525.796.597	5.990.886.368	122	142
4	Bất động sản	13.000.000.000	20.192.564.184	11.353.188.296	155	178
5	Các hoạt động khác	5.000.000.000	7.679.890.380	8.922.987.603	154	86
	Tổng doanh thu	569.500.000.000	548.124.626.731	578.540.642.057	96	95

2013



- Ngành KT - CBKS
- Ngành SX.VLXD
- Ngành SX nước tinh khiết, dịch vụ
- Bất động sản
- Các hoạt động khác

2012



Trong cơ cấu doanh thu năm 2013, ngành Khai thác - Chế biến Khoáng sản (KT – CBKS) vẫn là ngành chiếm tỷ trọng cao nhất, khoảng 87,4%, ngành sản xuất vật liệu xây dựng chiếm 5,95% và bất động sản chiếm 3,68%. Năm nay, ngành sản xuất nước tinh khiết và bất động sản đã có những chuyển biến tích cực so với năm 2012 và đều vượt kế hoạch 2013 đã đề ra, cụ thể: sản xuất nước tinh khiết đạt 122% so với kế hoạch và bất động sản đạt 155% so với kế hoạch. Tuy doanh thu hai ngành này có tỷ trọng khiêm tốn trong cơ cấu doanh thu nhưng đã thể hiện được sự đúng đắn trong định hướng phát triển của công ty. Đặc biệt hơn, trong sản xuất vật liệu xây dựng, Công ty đã bắt đầu có doanh thu từ gạch không nung.

Tổ chức và Nhân sự



1. Ban điều hành

Danh sách Ban điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Trần Đình Hải	Tổng Giám đốc
2	Hoàng Văn Lộc	Phó Tổng Giám đốc
3	Đặng Quang Thung	Phó Tổng Giám đốc
4	Phạm Văn Hiệp	Phó Tổng Giám đốc
5	Nguyễn Thị Thanh Mỹ	Phó Tổng Giám đốc
6	Trần Đình Hà	Phó Tổng Giám đốc
7	Lục Thanh Sang	Kế toán trưởng

1. Ông Trần Đình Hải

Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1956

Nơi sinh: Vũ Hợp, Hoài Ân, Thái Bình

Trình độ: Cử nhân Luật

Tỷ lệ CP đang nắm giữ: 0,2%

2. Ông Hoàng Văn Lộc

Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1956

Nơi sinh: Kỳ Bắc, Kỳ Anh, Hà Tĩnh

Trình độ: Kỹ sư Địa chất công trình

Tỷ lệ CP đang nắm giữ: 0,11%

3. Ông Đặng Quang Thung

Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1958

Nơi sinh: Thạch Sơn, Anh Sơn, Nghệ An

Trình độ: Cử nhân Kinh tế

Tỷ lệ CP đang nắm giữ: 0,11%

4. Ông Phạm Văn Hiệp

Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1962

Nơi sinh: Lại Hưng, Bến Cát, Bình Dương

Trình độ: Cử nhân Kinh tế

Tỷ lệ CP đang nắm giữ: 0,005%

5. Bà Nguyễn Thị Thanh Mỹ

Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1964

Nơi sinh: An Sơn, Thuận An, Bình Dương

Trình độ: Cử nhân Kinh tế

Tỷ lệ CP đang nắm giữ: 0,24%

6. Ông Trần Đình Hà

Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1975

Nơi sinh: Vũ Hợp, Vũ Thư, Thái Bình

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Tỷ lệ CP đang nắm giữ: 0,04%

7. Ông Lục Thanh Sang

Kế toán trưởng

Năm sinh: 1960

Nơi sinh: Bình Dương

Trình độ: Cử nhân Kinh tế Lâm nghiệp

Tỷ lệ CP đang nắm giữ: 0,07%

Ngày 1/7/2013: Bổ nhiệm phó tổng giám đốc Trần Đình Hà

2. Cán bộ công nhân viên

Số lượng cán bộ, nhân viên

Biến động lao động trong năm 2013:

- Tổng lao động đầu năm: 520 người
- Tổng lao động tăng trong năm: 29 người
- Tổng lao động giảm trong năm: 36 người
- Tổng số lao động đến 31/12/2013: 513 người
- Ngoài ra lao động HĐ ngắn hạn theo thời vụ: 236 người

STT	Tính chất phân loại	Số lượng	Tỷ lệ
A	Theo trình độ	513	100%
1	Trên Đại học	4	1%
2	Đại học	92	18%
3	Cao đẳng	22	4%
4	Khác	395	77%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	513	100%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	32	6%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	481	94%
3	Hợp đồng theo thời vụ (công nhật)	0	0

Thu nhập bình quân qua các năm:

STT	Năm	Mức lương bình quân	Thu nhập bình quân
1	2011	5.300.000	8.200.000
2	2012	5.900.000	7.800.000
3	2013	5.800.000	8.300.000

3. Tóm tắt chính sách

• Chế độ đối với người lao động

Người lao động được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của bộ luật lao động: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm thân thể, kinh phí công đoàn, bảo hộ lao động, thời gian lao động, nghỉ ngơi, ốm đau, thai sản, vệ sinh an toàn lao động, phòng chống cháy nổ... được thực hiện nghiêm chỉnh.

Các quyền lợi khác của người lao động thông qua hoạt động của công đoàn cơ sở như tiền thưởng, cưới xin, ma chay và các khoản tiền khác được thực hiện theo nghị quyết của hội nghị người lao động hàng năm, đúng quy chế dân chủ theo NĐ87/2007/NĐCP của chính phủ và quy chế sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi.

• Chính sách đào tạo

Công nhân trực tiếp khai thác, vận hành thiết bị máy móc đã được đào tạo và tập huấn tại các trường công nhân kỹ thuật, trung tâm đào tạo chuyên ngành, các lớp tập huấn ngắn ngày. Cán bộ quản lý được cử đi học các khóa ngắn ngày để cập nhật kiến thức nâng cao kỹ năng chuyên môn.

Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án



Các khoản đầu tư lớn

Tính đến ngày 31/12/2013, Công ty đã thực hiện 4 dự án sau:

Đơn vị tính: đồng

Stt	Tên dự án	Dự toán	Thực hiện	Thực hiện dở dang
1	Khu CN Đất Cuốc	23.525.787.610	14.509.780.449	9.016.007.161
2	Khu dân cư Bình Đức	274.582.313.500	696.240.910	273.816.448.500
3	Nhà máy beton đúc sẵn	76.772.618.110	58.112.033.503	-
4	Nhà hàng tiệc cưới	39.141.257.000	1.539.777.993	37.601.479.007
Cộng		414.021.976.220	74.857.832.855	320.433.934.668

Tình hình thực hiện các dự án

1 - Khu công nghiệp Đất Cuốc (huyện Tân Uyên – Tỉnh Bình Dương)

1.1. Diện tích cơ sở hạ tầng đã đầu tư hoàn thành và bán:

Stt	Diễn giải	Đvt	Tổng số	Trong đó	
				Khu A	Khu B
1	Tổng diện tích toàn khu	ha	212,00	103,80	108,20
	- DT làm hạ tầng, nhà ở, dịch vụ, công viên, cây xanh	ha	82,00	41,80	40,20
	- Diện tích kinh doanh	ha	130,00	62,00	68,00
2	Tổng diện tích đất kinh doanh đã bán	ha	61,74	42,79	18,95
	- Các DN đang hoạt động	ha	26,98	22,64	4,34
	- Các DN đang xây dựng	ha	14,61	4,00	10,61
	- Các DN đang chuẩn bị đầu tư	ha	20,15	16,15	4,00
3	Tỷ lệ lấp đầy	%	47,45	69,00	27,82
4	Diện tích đang tồn kho	ha	68,36	19,23	49,13
5	Tổng số các doanh nghiệp đầu tư trong nước và nước ngoài	DN	31	29	02



1.2. Chi phí đầu tư hạ tầng KCN đến 31/12/2013:

Tổng diện tích đất kinh doanh toàn khu công nghiệp	:	130 ha
+ Nộp tiền sử dụng đất 1 lần (khu A)	:	62 ha
+ Nộp tiền thuê đất hàng năm (khu B)	:	68 ha
Tổng chi phí đầu tư lũy kế đến 31/12/2013	:	202.428.373.957 đ
+ Xây dựng hạ tầng toàn khu	:	177.250.751.137 đ
+ Tài sản vận hành khu CN	:	11.553.603.371 đ
+ Đang thực hiện dở dang chưa hoàn thành	:	13.624.019.449 đ

1.3. Doanh thu chuyển nhượng cơ sở hạ tầng 01 lần đến 31/12/2013

Tổng doanh thu bán cho các nhà đầu tư 53,40 ha lũy kế đến 31/12/2013	:	226.879.897.368 đ
Giá bán bình quân lũy kế 01ha (từ 2006-2012)	:	4.248.687.217 đ
Tổng số tiền đã thu theo hợp đồng	:	205.482.351.337 đ
Tổng số tiền còn lại thu tiếp theo thỏa thuận	:	21.397.546.031 đ

1.4. Doanh thu hoạt động của KCN Đất Cuốc năm 2013: **20.192.564.184 đ.**

Chi tiết như sau:

Doanh thu cơ sở hạ tầng 01 lần phân bổ hàng năm diện tích đã bán (46 năm)	:	6.302.148.332 đ
Doanh thu sử dụng cơ sở hạ tầng các doanh nghiệp đầu tư trong KCN hàng năm (phí duy tu)	:	3.882.425.435 đ
Doanh thu phí thuê đất hàng năm	:	2.500.517.445 đ
Doanh thu hoạt động nhà máy xử lý nước thải theo tiêu chuẩn A năm 2013	:	4.502.652.609 đ
Doanh thu các hoạt động dịch vụ khác phục vụ các hoạt động tại KCN	:	3.004.820.283 đ

1.5- Đầu tư mở rộng KCN Đất Cuốc (dở dang)

Đang thực hiện qui hoạch chi tiết phần mở rộng giai đoạn I kết nối với KCN hiện hữu		
+ Diện tích mở rộng	:	161,96 ha
+ Diện tích đất kinh doanh	:	127,22 ha
Diện tích đất đã đền bù mở rộng đến 31/12/2013	:	27,90 ha
+ Diện tích mua lại của dân	:	23,90 ha
+ Diện tích của Công ty hiện có (XN Tân Thành)	:	04 ha
Chi phí đầu tư diện tích mở rộng đến 31/12/2013	:	41.340.496.000 đ
+ Tiền đền bù đất	:	40.454.735.000 đ
+ Chi phí tư vấn lập dự án	:	885.761.000 đ

2 - Khu dân cư Bình Đức Tiến

2.1 - Giới thiệu dự án:

- Mục tiêu đầu tư: Xây dựng khu biệt thự cao cấp đáp ứng nhu cầu nhà ở cho người dân trong và ngoài nước, tạo môi trường sống tiện nghi và kinh tế, góp phần chỉnh trang đô thị ở địa phương tạo doanh thu cho Công ty.
- Địa điểm xây dựng: khu phố Bình Đức, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương; liền kề với quận Bình Thạnh, cách trung tâm TP.HCM khoảng 14km.
- Một số thông tin khái quát:

Diện tích đất sử dụng (đã có)	: 2,65 ha	100%
Đất làm giao thông, sân bãi	: 0,659 ha	24,9%
Đất công viên cây xanh, hồ bơi	: 0,249 ha	9,4%
Đất xây biệt thự	: 1,745 ha	65,7%

Tổng số biệt thự	: 68 căn	1,745 ha
+ Biệt thự đơn lập (Có diện tích từ 310 m ² đến 630m ² /1 biệt thự)	: 12 căn	0,625 ha
+ Biệt thự song lập (Có diện tích 200 m ² /1 biệt thự)	: 56 căn	1,120 ha
Khái toán tổng mức đầu tư (chưa có tiền SDD)	: 274.582.313.500 đ	

2.2 - Chi phí thực hiện đến 31/12/2013: **696.240.910 đ**

Chi tiết chi phí:

Hoàn thành giải phóng mặt bằng , khảo sát địa hình	: 259.406.364 đ
Lập bản đồ qui hoạch chi tiết 1/500 lập bản vẽ thiết kế cơ sở và dự án đầu tư, thiết kế nhà mẫu	: 436.834.546 đ

3 - Dự án đầu tư nhà máy bê tông đúc sẵn:

3.1 - Giới thiệu dự án:

- Tên dự án: Nhà máy sản xuất bê tông đúc sẵn
- Vị trí xây dựng: Khu công nghiệp Đất Cuốc (khu B)
- Diện tích sử dụng đất: 4,34 ha
- Qui mô dự án:
 - Đầu tư mới hệ thống dây chuyền sản xuất cốt bê tông rung lõi mới 100% của CHLB Đức.
 - Di chuyển hệ thống sản xuất cốt bê tông ly tâm từ khu văn phòng Công ty lên địa điểm mới.
 - Đầu tư hệ thống máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất, bốc xếp, vận chuyển thành phẩm.
 - Công suất: 250.000 m³ bê tông/1 năm tương ứng: 60.000m³ cốt bê tông/1 năm.
- Tổng mức đầu tư của dự án: 76.772.618.110 đ



3.2 - Thực hiện dự án đến 31/12/2013:

- o Dự án được triển khai thực hiện đúng qui trình và các qui định pháp luật về đầu tư xây dựng cơ bản.
- o Dự án đã hoàn thành, sản xuất thử và sản xuất chính thức từ tháng 12/2013.
- o Tổng chi phí đầu tư thực hiện: **58.112.033.503đ**

- Chi phí thiết bị máy móc	:	31.400.504.905 đ
- Chi phí xây lắp nhà xưởng, vật kiến trúc	:	16.863.752.035 đ
- Chi phí đầu tư hạ tầng	:	6.206.553.396 đ
- Chi phí quản lý dự án, thiết kế dự toán, giám sát, thẩm định tư vấn đấu thầu...	:	1.492.099.167 đ
- Hệ thống điện sản xuất	:	2.149.124.000 đ

4 - Dự án đầu tư nhà hàng tiệc cưới

4.1- Giới thiệu dự án:

- o Tên dự án: Nhà hàng tiệc cưới Thanh Bình
- o Địa điểm xây dựng: Khu phố Hòa Lân, đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An – tỉnh Bình Dương.
- o Diện tích sử dụng đất: 13.315 m² (1,331 ha)
- o Qui mô dự án:
 - ✚ Đầu tư mới: 01 nhà hàng, 02 sân bóng mini, nhà để xe, bãi đậu xe, đường giao thông, cơ sở hạ tầng...
 - ✚ Sức chứa: 140 bàn tiệc.
 - ✚ Loại công trình: Công trình dân dụng cấp III.
 - ✚ Nhóm dự án: Nhóm B
- o Tổng mức đầu tư của dự án khái toán: **39.141.257.000đ**

+ Chi phí xây dựng	:	25.199.947.000 đ
Nhà hàng	:	17.817.000.000 đ
Hạ tầng kỹ thuật và các hạng mục phụ	:	7.382.947.000 đ
+ Chi phí thiết bị	:	7.693.655.000 đ
Thiết bị xây lắp	:	5.660.200.000 đ
Thiết bị	:	2.033.455.000 đ
+ Chi phí quản lý dự án:	:	671.884.714 đ
+ Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	:	1.769.296.785 đ
+ Chi phí khác: Bảo hiểm, thẩm tra, phê duyệt quyết toán	:	248.179.062 đ
+ Dự phòng phí	:	3.558.296.256 đ



Tình hình tài chính

1. Tình hình tài chính

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	2013	2012	So với 2012
Tổng giá trị tài sản	690.290.103.280	690.764.886.985	-0,07%
Doanh thu thuần	538.531.647.460	569.617.654.404	-5,46%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	110.017.595.476	120.060.362.079	-8,36%
Lợi nhuận khác	2.500.518.639	1.123.277.354	122,61%
Lợi nhuận trước thuế	112.518.114.115	121.183.639.433	-7,15%
Lợi nhuận sau thuế	83.277.075.822	90.380.959.260	-7,86%

Cuối năm 2013, tổng tài sản của Công ty đạt mức 690,29 tỷ đồng, giảm nhẹ khoảng 0,07% so với đầu năm. Trong đó, tài sản dài hạn chiếm hơn 60% trong tổng tài sản của Bimico.

Các chỉ tiêu khác đều giảm so với năm 2012. Trong đó, doanh thu thuần giảm 5,46%; lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh giảm 8,36%; lợi nhuận trước và sau thuế giảm dưới 8%. Riêng chỉ tiêu lợi nhuận khác tăng hơn 120% so với đầu năm, vì trong năm Công ty còn nhận được các khoản lợi từ thanh lý tài sản, tiền bồi thường và các khoản thu nhập khác.

2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu tài chính	2013	2012
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
Hệ số thanh toán ngắn hạn	4,49	3,11
Hệ số thanh toán nhanh	3,70	2,7
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,34	0,35
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,51	0,55
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
Vòng quay Hàng tồn kho	9,31	11,56
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,78	0,82
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	15,19%	15,87%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (bình quân)	18,23%	20,75%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (bình quân)	12,06%	13,42%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	20%	21,08%

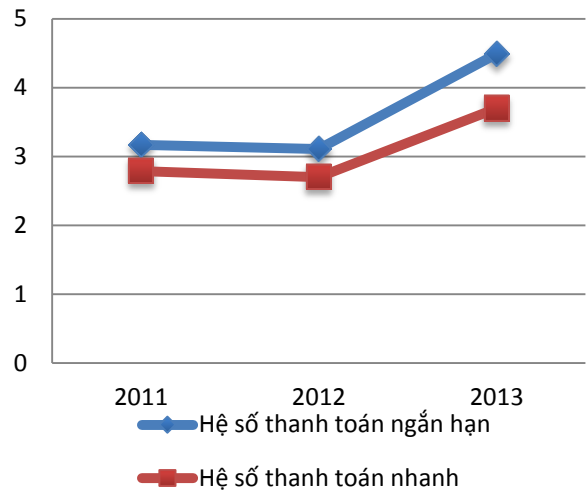
Khả năng thanh toán

Hệ số thanh toán ngắn hạn, thanh toán nhanh là những hệ số đánh giá khả năng chi trả cho các khoản nợ đến hạn và lãi vay của Công ty, chỉ số này hiện tại khá cao cho thấy tình hình hoạt động của Công ty vẫn tốt, tuy nhiên điều này lại không có lợi cho khả năng sinh lời của Công ty. Năm 2013, mặc dù tài sản ngắn hạn đã giảm nhẹ và hàng tồn kho của Công ty đã tăng khoảng 7,8 tỷ đồng nhưng do nợ ngắn hạn giảm mạnh đến 29,32 tỷ đồng (giảm 36,12%), kéo theo các hệ số thanh toán lại tăng lên so với năm 2012, cụ thể hệ số thanh toán ngắn hạn tăng từ 3,11 lần lên 4,49 lần; hệ số thanh toán nhanh tăng từ 2,7 lần lên 3,7 lần. Hai hệ số đều cho thấy khả năng thanh khoản của Công ty đang ở mức khá an toàn.

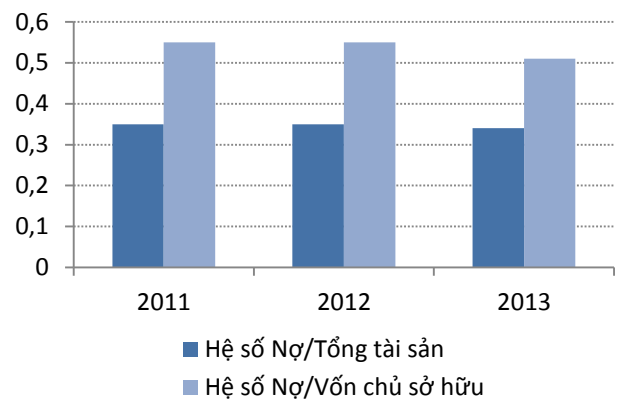
Cơ cấu vốn

Năm 2013, Công ty tiếp tục duy trì các chỉ tiêu về cơ cấu vốn, hệ số nợ trên tổng tài sản được giữ ở mức 0,34 và hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu ở mức 0,51, không thay đổi nhiều so với năm trước. Trong năm, Công ty đã chủ động cắt giảm các khoản nợ phải trả khoảng 10,35 tỷ đồng, đồng thời Công ty cũng không vay nợ. Điều này cho thấy, Công ty hoàn toàn tự chủ về tài chính để tránh những rủi ro đến từ các khoản nợ.

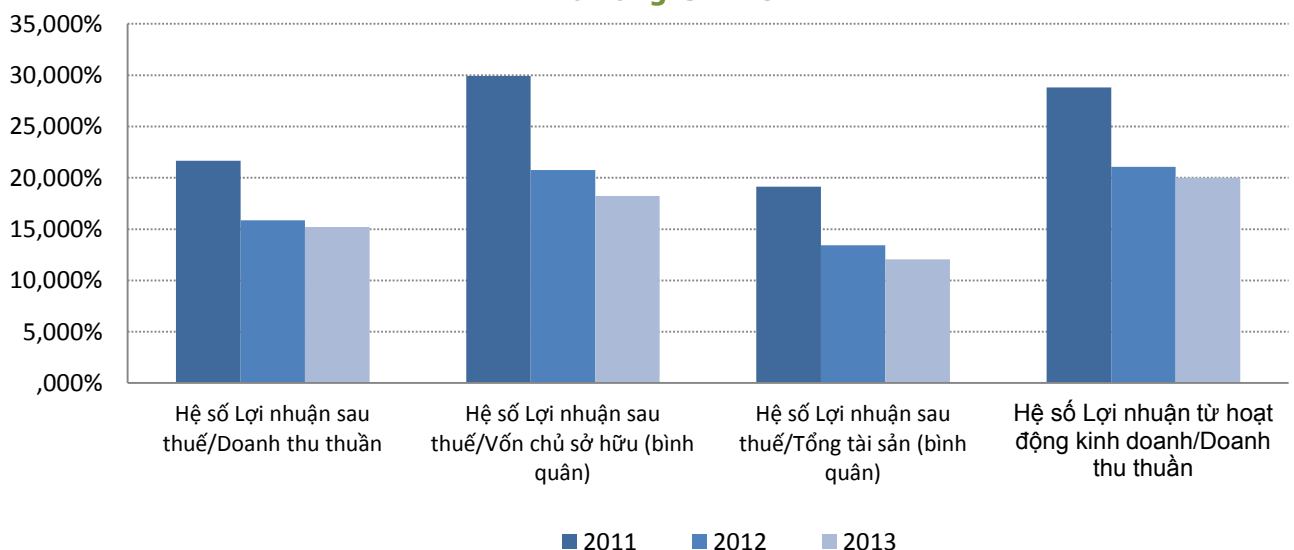
Khả năng thanh toán (Đơn vị: lần)



Cơ cấu vốn (%)



Khả năng sinh lời



Năng lực hoạt động

Năm 2013, hàng tồn kho của Công ty tăng từ 32,45 tỷ lên 37,23 tỷ so với năm trước, trong khi đó giá vốn hàng bán lại giảm khoảng 28,46 tỷ kéo theo vòng quay hàng tồn kho giảm từ 11,56 vòng xuống còn 9,31. Điều này phù hợp với bối cảnh kinh tế, khi tổng cầu ngành xây dựng nói chung vẫn chưa có dấu hiệu được cải thiện đã ảnh hưởng đến hoạt động bán hàng của Công ty trong năm qua.

Hệ số doanh thu thuần trên tổng tài sản cũng tiếp tục giảm nhẹ từ 0,82 xuống còn 0,78. Các hệ số này giảm cho thấy tình hình hoạt động của Công ty có vẻ không thuận lợi như năm trước, mặc dù đó là xu hướng chung khi nền kinh tế vẫn còn nhiều thách thức cần vượt qua.

Khả năng sinh lời

Nhìn chung năm 2013, các chỉ số về khả năng sinh lời của Công ty có xu hướng giảm so với năm 2012. Tuy nhiên, chỉ số ROA vẫn hơn 12% cao hơn 5% so với trung bình ngành khoáng sản là 7%; ROE đạt mức 18,23% là tỷ lệ có thể xem là hiệu quả so với tình hình thực tế. Hệ số lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần giữ ổn định ở mức 15,19% và lợi nhuận từ hoạt động trên doanh thu thuần cũng ổn định khoảng 20%. Các chỉ số trên cho thấy khả năng sinh lời của Công ty hiện không đạt được như kỳ vọng. Trong năm tới đây, Công ty sẽ có những giải pháp mới để cải thiện tình hình



Cơ cấu cổ đông Vốn đầu tư của chủ sở hữu



1. Cổ phần

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 18.000.000 cổ phiếu

Số cổ phần tự do chuyển nhượng: 18.000.000 cổ phiếu

Số cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phiếu

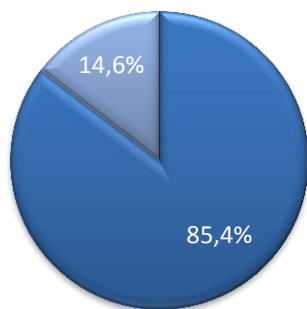
Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VNĐ

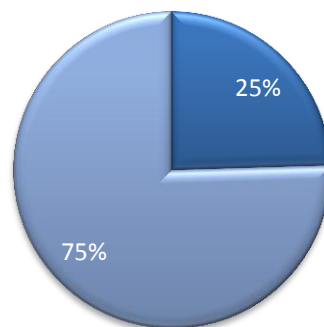
2. Cơ cấu cổ đông:

Đến ngày chốt danh sách tham dự Đại hội

Diễn giải	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
1- Tổng số	637	18.000.000	100%
2- Cổ đông nhà nước	1	9.008.502	50,05%
3- Cổ đông trong nước	598	14.646.935	81,37%
3.1- Cá nhân	576	3.291.670	18,29%
<i>Trong đó – CBCNLD Công ty</i>	<i>141</i>	<i>498.854</i>	<i>2,77%</i>
3.2- Tổ chức	22	11.355.265	63,08%
4- Cổ đông nước ngoài	39	3.353.065	18,63%
4.1- Cá nhân	27	469.952	2,61%
4.2- Tổ chức	12	2.883.113	16,02%



■ Cổ đông trong nước ■ Cổ đông nước ngoài



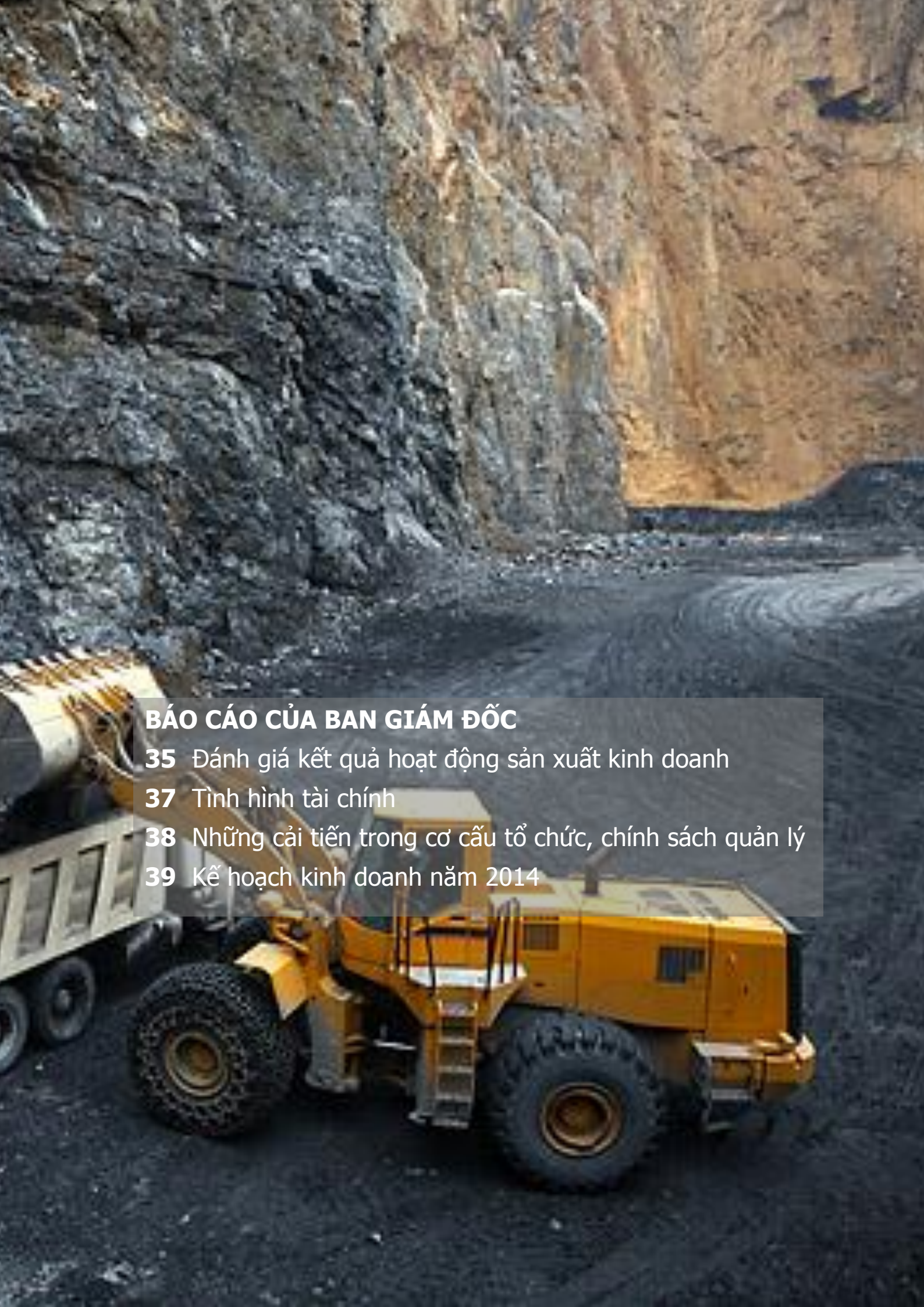
■ Cá nhân ■ Tổ chức

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

Các chứng khoán khác: Không có





BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

35 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

37 Tình hình tài chính

38 Những cải tiến trong cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

39 Kế hoạch kinh doanh năm 2014

Đánh giá kết quả hoạt động Sản xuất kinh doanh



1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	2013	2012	So với 2012
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	538.559.978.005	569.617.654.404	-5%
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	28.330.545	-	
3	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	538.531.647.460	569.617.654.404	-5%
4	Giá vốn hàng bán	346.472.508.362	374.930.089.536	-8%
5	Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	192.059.139.098	194.687.564.868	-1%
6	Doanh thu hoạt động tài chính	1.904.891.983	4.490.692.875	-58%
7	Chi phí tài chính	2.408.775.850	1.608.450.167	50%
8	Chi phí bán hàng	52.374.004.007	48.299.150.823	8%
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	29.163.655.748	29.210.294.674	0%
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	110.017.595.476	120.060.362.079	-8%
11	Thu nhập khác	7.688.087.288	4.432.294.778	73%
12	Chi phí khác	5.187.568.649	3.309.017.424	57%
13	Lợi nhuận khác	2.500.518.639	1.123.277.354	123%
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	112.518.114.115	121.183.639.433	-7%
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29.696.974.828	32.340.992.366	-8%
17	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-455.936.535	-1.538.312.193	-70%
18	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	83.277.075.822	90.380.959.260	-8%
19	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.556	5.552	-18%

Qua bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2013 cho thấy chỉ tiêu về doanh thu thuần và các chỉ tiêu lợi nhuận đều giảm so với năm 2012. Kết quả trên đã phản ánh đúng với tình hình chung của nền kinh tế, tuy nhiên thì kết quả này vẫn đảm bảo sự phát triển ổn định của Công ty.

Những yếu tố đảm bảo cho sự hoạt động ổn định của Công ty là:

- 1- Ban Giám Đốc đã thực hiện theo tinh thần mà Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2013 giao phó. Công tác điều hành linh hoạt và sát sao của HĐQT đã tạo điều kiện để Ban Tổng Giám Đốc thực hiện tốt nhiệm vụ của mình.
- 2- Được sự hỗ trợ và giúp đỡ của chính quyền địa phương: xã, phường, huyện thị, các sở ban ngành, UBND tỉnh Bình Dương, Bộ tài nguyên môi trường và các Bộ ngành Trung Ương.
- 3- Chính sách bán hàng của Công ty được ủng hộ bởi các khách hàng truyền thống,

- 4- Những hỗ trợ của cổ đông lớn (SCIC) và sự phối hợp chặt chẽ với các đoàn thể, tổ chức quần chúng cộng với sự đoàn kết thống nhất của Ban Tổng Giám Đốc, bộ máy quản lý, cán bộ công nhân lao động cùng nhau phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ vì mục tiêu chung là phát triển của Công ty.
- 5- Doanh thu, lợi nhuận không đạt như mong muốn và kỳ vọng của cổ đông nhưng kết quả đó là tích cực là tiềm năng là cơ sở để xây dựng các kế hoạch thời gian tới.

2. Những khó khăn và thách thức:

- Thị trường tiêu thụ chưa có dấu hiệu cải thiện, khả năng tiếp cận thị trường vẫn còn nhiều yếu kém, chưa có giải pháp phù hợp, chủ động để thích ứng với mọi điều kiện. Từ đó làm tăng hàng tồn kho, điều này là nguyên nhân chính doanh thu không đạt.
- Công nợ còn bị chiếm dụng cao: 102 tỷ, nhiều khoản nợ kéo dài buộc phải trích dự phòng rủi ro, tuy chưa có nợ xấu nhưng ảnh hưởng đến vòng quay vốn, mục tiêu giảm các khoản nợ phải thu chưa đạt yêu cầu.
- Công tác xử lý môi trường có chuyển biến tích cực được đầu tư đáng kể nhưng chưa căn bản.
- Chưa thực hiện được các mục tiêu chiến lược về khai thác, chế biến khoáng sản bảo đảm lâu dài và bền vững.
- Công tác quản lý lao động và phát triển nguồn nhân lực còn nhiều bất cập, lúng túng nhất là đội ngũ cán bộ trẻ kế thừa, chất lượng lao động chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển thích nghi với sự thay đổi.





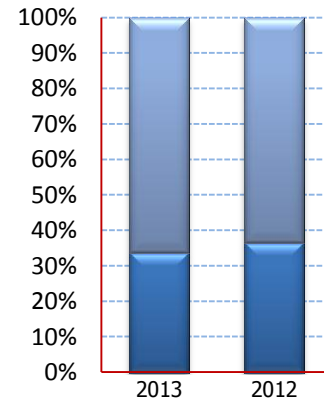
Tình hình tài chính

Tình hình tài sản

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	2013	2012	% Tăng / Giảm
Tài sản ngắn hạn	232.881.098.700	252.824.710.857	-7,89
Tài sản dài hạn	457.409.004.580	437.940.176.128	4,45
Tổng tài sản	690.290.103.280	690.764.886.985	-0,07

Năm 2013, nhìn chung tổng tài sản của Bimico được duy trì khá ổn định, chỉ giảm khoảng 0,07% và cơ cấu tài sản cũng không thay đổi nhiều so với năm trước. Tài sản dài hạn tăng 4,45% chiếm 66,26% tổng tài sản, nguyên nhân là Công ty đầu tư vào tài sản dài hạn hữu hình như mua quyền sử dụng đất, máy móc thiết bị sản xuất, phương tiện vận tải và nhà cửa vật kiến trúc nhằm phục vụ sản xuất kinh doanh. Năm nay, tuy hàng tồn kho tăng lên nhưng tài sản ngắn hạn vẫn giảm 7,89% là do Công ty đã thu lại được một khoản lớn từ các khoản phải thu khách hàng.



■ Tài sản dài hạn
■ Tài sản ngắn hạn

Tình hình nợ phải trả

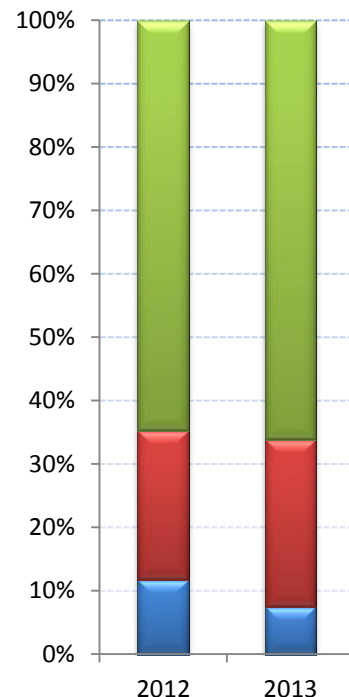
Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	2013	2012	% Tăng / Giảm
Nợ ngắn hạn	51.857.106.316	81.178.534.613	-36,12
Nợ dài hạn	181.601.278.638	162.630.084.472	11,67
Tổng nợ	233.458.384.954	243.808.619.085	-4,25
Vốn chủ sở hữu	456.831.718.326	446.956.267.900	2,21
Tổng nguồn vốn	690.290.103.280	690.764.886.985	-0,07

Tổng nợ của Công ty năm 2013 đã giảm khoảng 4,25% tương đương 10,35 tỷ đồng so với năm trước. Trong đó, nợ ngắn hạn giảm 29,3 tỷ tương ứng 36,12% so với năm 2012, nguyên nhân là các chỉ tiêu trong cơ cấu nợ ngắn hạn đều giảm tuy nhiên giảm nhiều nhất là các khoản người mua trả tiền trước. Nợ dài hạn tăng từ 162,6 tỷ đồng lên 181,6 tỷ trong năm 2013. Nguyên nhân là Công ty đã chủ động tăng khoản dự phòng phải trả dài hạn và ghi nhận tăng vào khoản doanh thu chưa thực hiện được.

Tuy nhiên, nhìn vào cơ cấu nợ, Công ty không có bất kỳ khoản nợ vay nào. Năm 2013, Công ty vẫn duy trì cơ cấu nguồn vốn, với vốn chủ sở hữu chiếm phần lớn, hơn 65%. Việc tiếp tục duy trì chủ trương tự chủ tài chính cũng như không có những khoản vay nợ nào khiến cho Bimico có một lợi thế rất lớn, nhất là trong tình hình khó khăn hiện nay, các doanh nghiệp phải đối mặt với những biến động của thị trường và rủi ro lãi suất.

Báo cáo thường niên năm 2013



■ Vốn chủ sở hữu
■ Nợ dài hạn
■ Nợ ngắn hạn

Những cải tiến Trong cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý



Công trường khai thác cao lanh

Quản lý điều hành Công ty:

- Quy trình quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO-9001-2008. Thực hiện nghiêm túc, được kiểm tra đánh giá duy trì thường xuyên
- Hệ thống kiểm soát nội bộ, bộ máy quản lý, hạch toán kế toán thống kê, quản lý kỹ thuật từ Công ty đến các đơn vị đầu mối bảo đảm xuyên suốt và tập trung kiểm soát được tất cả các hoạt động kinh tế phát sinh. Thực hiện tiết kiệm, ngăn chặn, hạn chế tối đa thất thoát, bảo vệ lợi ích của Công ty.

Chấp hành pháp luật:

- Thực hiện nghiêm túc pháp luật thuế, phí, lệ phí đối với tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh, kê khai báo cáo thuế, nộp thuế kịp thời đúng thời gian qui định, chia cổ tức năm 2012 và tạm ứng cổ tức 2013 đúng thời gian qui định của điều lệ cho cổ đông
- Thực hiện có trách nhiệm hơn các qui định pháp luật về an toàn vệ sinh lao động, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, phòng chống cháy nổ, không xảy ra vụ việc nào nghiêm trọng cho người và tài sản.
- Tuân thủ các qui định pháp luật về môi trường trong các hoạt động sản xuất kinh doanh, xử lý chất thải rắn, chất thải lỏng, chất thải nguy hại, phát thải không khí. Giảm thiểu tối đa tác động môi trường đối với cộng đồng dân cư.
- Các qui định pháp luật liên quan đến các hoạt động của Công ty và điều lệ hoạt động được thực hiện tương đối tốt. Các cuộc kiểm tra, thanh tra chuyên ngành thường xuyên và định kỳ của các cơ quan quản lý Nhà nước, Kiểm toán Nhà nước, kiểm tra thuế... đều có nhận xét kết luận đánh giá cơ bản là đạt yêu cầu.

Kế hoạch kinh doanh năm 2014



1. Kế hoạch về sản lượng và tiêu thụ

STT	Lĩnh vực sản xuất KD/ Cơ cấu sản phẩm	Đvt	Sản xuất		Tiêu thụ	
			TH 2013	KH 2014	TH 2013	KH 2014
I Khai thác, chế biến KS						
1	Khai thác đá XD	m ³	2.940.560	2.900.000	204.455	130.000
2	Chế biến đá XD	m ³	2.954.886	2.770.000	2.835.548	2.813.000
3	Khai thác cao lanh	m ³	96.468	35.000	9.166	40.000
4	Cao lanh chế biến	tấn	18.845	23.500	20.493	23.500
	- Chế biến bột	tấn	13.320	15.000	12.864	15.000
	- Chế biến lọc	tấn	5.525	8.500	7.629	8.500
5	Cát xây dựng	m ³	86.252	98.000	82.651	98.000
II Sản xuất VLXD						
1	Gạch xây dựng các loại	viên	32.389.793	36.000.000	35.792.841	36.000.000
2	Cống beton đúc sẵn các loại (phi 300 đến phi 2.500)	m	16.446	40.000	11.996	40.000
3	Gạch block	viên	140.428	120.000	26.325	220.000
III Dịch vụ vận tải, nước tinh khiết						
1	Dịch vụ vận tải	tấn km	232.508	250.000	232.508	250.000
2	Dịch vụ bốc xếp (xuống hàng bến thủy)	m ³	120.000	120.000	120.000	120.000
3	Vận tải nội bộ phục vụ SX	tấn km	5.114.236	4.750.000	5.114.236	4.750.000
4	Nước tinh khiết	lít	3.584.639	3.500.000	3.576.543	3.500.000
IV Hoạt động xây dựng các công trình						
1	Khảo sát thiết kế xây dựng	Công trình	05	04	05	04
2	Giá trị xây dựng	đồng	11.219.000.000	12.000.000.000	11.219.000.000	12.000.000.000
V Bất động sản						
1	Khu CN Đất Cốc	ha	-	-	-	10
2	Khu dân cư		-	-	-	-

2. Doanh thu hoạt động kinh doanh năm 2014

Đvt : đồng

STT	Ngành kinh doanh	Thực hiện năm 2013	Kế hoạch năm 2014
1	Ngành KT, CB khoáng sản	479.133.544.555	492.460.000.000
1.1	Đá xây dựng	455.398.507.763	459.160.000.000
1.2	Cao lanh	13.816.199.064	23.500.000.000
1.3	Cát xây dựng	7.690.576.244	9.800.000.000
1.4	Sét gạch ngói	2.228.261.484	-
2	Ngành SX.VLXD	32.602.831.015	52.300.000.000
2.1	Gạch Tuynel	25.417.716.526	25.600.000.000
2.2	Gạch block	133.190.306	700.000.000
2.3	Cống bê tông đúc sẵn	7.051.924.183	26.000.000.000
3	Ngành SX khác, dịch vụ	8.525.796.597	8.540.000.000
3.1	Nước tinh khiết	3.875.642.535	4.500.000.000
3.2	Vận tải sản phẩm hàng hóa (xe chuyên dùng)	465.015.406	500.000.000
3.3	Bốc xếp (Bến thủy)	540.000.000	540.000.000
3.4	Hoạt động SXKD dịch vụ	3.645.138.656	3.000.000.000
4	Khu công nghiệp Đất Cuộc	20.192.564.184	20.800.000.000
4.1	Cơ sở hạ tầng 1 lần phân bổ hàng năm	6.302.148.332	7.000.000.000
4.2	Phí thuê đất hàng năm	2.500.517.445	2.500.000.000
4.3	Phí cơ sở hạ tầng	3.882.425.435	3.800.000.000
4.4	Xử lý nước thải	4.502.652.689	4.500.000.000
4.5	Các dịch vụ khác	3.004.820.283	3.000.000.000
5	Hoạt động kinh doanh khác	7.668.890.380	5.900.000.000
5.1	Doanh thu tài chính	1.904.891.983	900.000.000
5.2	Các hoạt động khác	5.763.998.397	5.000.000.000
Tổng cộng		548.124.626.731	580.000.000.000

3. Lợi nhuận

- Thực hiện năm 2013 : 112.518.114.115 đ
 - Kế hoạch năm 2014 : 119.000.000.000 đ
- Tăng 5,8% so thực hiện 2013.



4. Kế hoạch phân phối lợi nhuận

Đvt : đồng

Loại thuế	Thực hiện 2013	Kế hoạch 2014
Lợi nhuận sau thuế	83.277.075.822	92.000.000.000
Lợi nhuận phân phối	82.010.835.971	92.000.000.000
- Quỹ đầu tư phát triển (5%)	4.100.541.799	4.600.000.000
- Quỹ dự phòng tài chính (5%)	4.100.541.799	4.600.000.000
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2014(12%)	12.301.625.396	11.040.000.000
- Chia cổ tức năm 2014 (25% vốn điều lệ):	54.000.000.000	45.000.000.000
+ Tạm ứng đợt 1/2014:15% VĐL	27.000.000.000	27.000.000.000
+ Chia tiếp sau ĐHĐCĐ:10% VĐL	27.000.000.000	18.000.000.000
- Quỹ điều hành của HĐQT + BKS	1.700.000.000	2.000.000.000
- Lợi nhuận chưa phân phối	5.808.126.977	24.760.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đ/cp)	4.556	5.111

5. Tỷ suất lợi nhuận

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014
Tỷ suất lợi nhuận		
+ Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu	20,53%	20,52%
+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu	15,19%	15,86%
Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu		
+ Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn chủ sở hữu	24,63%	24,70%
+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	18,23%	19,10%
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản		
+ Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	16,30%	16,64%
+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	12,06%	12,86%

6. Kế hoạch nộp thuế

Đvt: đồng

STT	Loại thuế	Thực hiện 2013	Kế hoạch 2014
1	Thuế giá trị gia tăng	20.134.902.632	21.000.000.000
2	Thuế TNDN	27.114.149.555	27.000.000.000
3	Thuế Tài nguyên	22.077.649.293	24.000.000.000
4	Phí môi trường	7.370.601.630	7.000.000.000
5	Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		13.000.000.000
6	Các khoản thuế khác	4.385.541.924	3.000.000.000
	Tổng cộng	81.082.845.034	95.000.000.000

7. Kế hoạch đầu tư các dự án năm 2014

STT	Hạng mục	Giá trị
I	Hoàn thành các dự án đầu tư dở dang 2013	9.016.007.161 đ
	Nhà máy xử lý nước thải 3.000m ³ / ngày đêm	7.647.300.000 đ
	Các hạng mục đầu tư khác	1.368.707.161 đ
II	Triển khai xây dựng các dự án	50.634.002.507 đ
1	Dự án nhà hàng tiệc cưới Thanh Bình	37.601.479.007 đ
	+ Chi phí xây dựng	25.199.947.000 đ
	+ Chi phí thiết bị	7.693.655.000 đ
	+ Chi phí tư vấn, quản lý dự án, dự phòng phí	4.707.877.007 đ
2	Dự án khu biệt thự cao cấp Bình Đức	13.032.523.500 đ
	+ San lấp mặt bằng hạ tầng	5.332.523.500 đ
	+ Hàng rào (770m dài x 4m cao)	7.700.000.000 đ
Tổng cộng (I+II)		59.650.009.668 đ
III	Hoàn thành chuẩn bị đầu tư các dự án	
	- Quy hoạch chi tiết lập dự án đầu tư mở rộng khu công nghiệp Đất Cuộc kết nối với hạ tầng hiện có, diện tích mở rộng	: 161,96 ha.
	- Dự án đầu tư nhà máy gạch không nung (gạch chưng áp)	: -

8. Đầu tư mở rộng sản xuất và phục vụ sản xuất KD năm 2014

STT	Lĩnh vực	Giá trị
I	Lĩnh vực khai thác chế biến khoáng sản	16.727.881.500đ
1	Hệ thống lắng lọc cao lanh	11.042.881.500 đ
	- Địa điểm đầu tư: xã Minh Long, thị trấn Chợ Thành, tỉnh Bình Phước (nằm trong dự án cấp mô)	
	- Diện tích sử dụng đất	: 8.500 m ²
	- Diện tích xây dựng	: 3.500 m ²
	- Công suất	: 7.200 tấn thành phẩm/năm
	• Hạng mục xây dựng	: 3.356.530.000 đ
	• Thiết bị máy móc, công cụ, phương tiện	: 7.160.500.000 đ
	• Chi phí dự phòng	: 525.851.500 đ
2	Mua quyền sử dụng đất của dân để phục vụ mở rộng, xuống sâu	5.685.000.000 đ
	+ Mỏ đá Tân Mỹ (03 ha)	: 4.500.000.000 đ
	+ Mỏ đá Phước Vĩnh (0,8 ha)	: 1.185.000.000 đ
II	Lĩnh vực sản xuất vật liệu XD	2.400.000.000 đ

○ Chuyển đổi phương tiện vận tải thùng thành xe cẩu tự hành vận chuyển cống beton	:	1.200.000.000 đ
○ HT sản xuất gạch không nung từ đá mi bụi tại Tân Mỹ	:	1.200.000.000 đ
III Lĩnh vực bất động sản (KCN)	:	11.047.656.135 đ
1 Xây dựng khu làm việc, hội họp, xúc tiến đầu tư, phòng cháy chữa cháy (Yêu cầu bắt buộc đối với KCN)		
+ Địa điểm xây dựng	:	Khu CN Đất Cuốc, Huyện Tân Uyên, BD.
+ Diện tích sử dụng đất	:	800 m ²
+ Diện tích xây dựng	:	349,36 m ²
• Chi phí xây dựng	:	8.965.163.915 đ
• Chi phí quản lý dự án	:	226.260.737 đ
• Chi phí thuê tư vấn xây dựng	:	647.498.135 đ
• Chi phí khác	:	121.653.700 đ
• Chi phí dự phòng	:	996.059.648 đ
2 Thỏa thuận đền bù QSDĐ mở rộng KCN	:	Linh hoạt
Tổng cộng (I+II+III)		30.175.537.635 đ

Tổng hợp các dự án đầu tư và hoạt động đầu tư 2014

Đvt: đồng

STT	Mục	Tổng chi phí đầu tư	Hoàn thành trong năm 2014	Chuyển tiếp năm 2015
1	Đầu tư các dự án	59.650.009.668	46.617.486.168	13.032.525.300
2	Hoạt động đầu tư mở rộng và phục vụ sản xuất	30.175.537.635	30.175.537.635	-
Cộng		89.825.547.303	76.793.023.803	13.032.525.300
<i>Trong đó :</i>				
1	Ngành KT.CB khoáng sản	16.727.881.500	16.727.881.500	-
2	Ngành SX.VLXD	2.400.000.000	2.400.000.000	-
3	Ngành dịch vụ	37.601.479.007	37.601.479.007	-
4	Ngành bất động sản	33.096.186.796	20.063.663.296	13.032.525.300

- Giải pháp đầu tư: Đúng qui định pháp luật và trình tự đầu tư, chặt chẽ linh hoạt, bảo đảm tiến độ, chất lượng, hiệu quả phù hợp với thực tế thời điểm.
- Nguồn vốn đầu tư:
 - Nguồn vốn chủ sở hữu (quỹ đầu tư phát triển sản xuất);
 - Chiếm dụng hợp lý;
 - Tiền bán cơ sở hạ tầng KCN.

9. Chuẩn bị các mỏ khoáng sản 2014

- o Hoàn thành dự án thăm dò, mở rộng, xuống sâu tăng thời hạn khai thác mỏ đá Tân Mỹ.
- o Lập thủ tục xin phép thăm dò mở rộng xuống sâu mỏ đá Phước Vĩnh và triển khai thực hiện hoàn thành trong năm 2015.
- o Thực hiện từng bước theo qui trình 02 mỏ mới (đá Minh hòa - Dầu Tiếng, sét gạch ngói Bồ Lá – Phú Giáo).
- o Cải tạo đóng cửa mỏ sét gạch ngói Tân Hiệp – Khánh Bình – Tân Uyên, lập dự án sử dụng lại 9,6 ha vào mục đích khác.



GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 2014

1 - Thị trường tiêu thụ:

- Kế thừa các thị trường hiện có, có uy tín đã hợp tác nhiều năm quan hệ thanh toán tốt, ưu tiên số lượng, tiến độ, giá cả, linh hoạt trong thanh toán từng thời điểm.
- Tìm kiếm các thị trường mới, các dự án đầu tư hạ tầng trong khu vực để tiêu thụ hết sản lượng sản xuất năm 2014 và tồn kho: Đá xây dựng, cống bê tông, cát xây dựng, vật liệu san lấp, gạch ngói.
- Tiếp cận thị trường xây dựng dân dụng của nhân dân, xây dựng nông thôn mới tăng tỷ lệ bán lẻ tất cả các loại sản phẩm (từ 10% - 15%).
- Mời gọi các tổ chức, cá nhân hợp tác, phân khúc thị trường trên các địa bàn: Bình Dương, Đồng Nai, TP.HCM, Bình Phước bằng các chính sách cụ thể.
- Tăng cường quảng cáo, tiếp thị, công khai các ưu đãi về khu công nghiệp, linh hoạt trong thỏa thuận để bán cho bằng được diện tích 10 ha năm 2014 và liên tục năm 2015.
- Chuyên nghiệp hóa đội ngũ tiếp thị, nắm sâu sát các hoạt động tiêu thụ, hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng, quý, xử lý nhanh chóng kịp thời ý kiến và yêu cầu của khách hàng.

2 - Quản trị sản xuất, dịch vụ

- Thực hiện quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ : chi tiết, sâu sát các chi phí đầu vào, công khai minh bạch, tiết kiệm, chống lãng phí, thất thoát, hạch toán kết quả kinh doanh hàng tháng từng đơn vị đầu mối.
- Áp dụng các sáng kiến cải tiến kỹ thuật hợp lý hóa các công đoạn sản xuất tiết kiệm chi phí, nguyên nhiên vật liệu, điện, NVL công nghiệp sửa chữa thường xuyên để hạ giá thành sản phẩm.

- Nghiên cứu các giải pháp kỹ thuật để tận thu triệt để các chất thải trong quá trình khai thác, chế biến khoáng sản: Đất đầu, đá phong hóa, cát pha, đá bụi, đá mỡ côi... để bù đắp chi phí giải phóng mặt bằng, tăng doanh thu, xử lý tốt về môi trường.
- Lựa chọn các dịch vụ cung cấp đầu vào cạnh tranh có chất lượng và uy tín đáp ứng các yêu cầu sản xuất và vận chuyển thành phẩm hàng hóa cho khách hàng.
- Chất lượng sản phẩm hàng hóa của Công ty phải bảo đảm đúng tiêu chuẩn ISO 9001-2008.
- Kế hoạch chi tiết thu hồi công nợ tồn đọng đến 31/12/2013 và nợ phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm năm 2014 bằng nhiều biện pháp vừa đảm bảo thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh gắn liền với thanh toán, thu hồi nợ, mức dư nợ phải thu bình quân 60 tỷ đồng, không để nợ xấu, mất vốn.

3 - Quản lý các dự án hoạt động đầu tư

- Hoàn thành đúng kế hoạch đã định đối với các dự án đầu tư và hoạt động đầu tư năm 2014 và năm 2013 chuyển qua và đưa vào hoạt động ngay để phát huy hiệu quả.
- Chuẩn bị đầu tư và hoạt động đầu tư phải đúng trình tự, qui định pháp luật, đúng mục tiêu chiến lược phát triển của Công ty được ĐHCĐ thông qua từng dự án phải được xem xét kỹ lưỡng trên cơ sở nguồn lực và hiệu quả sau đầu tư.

4 - Quản lý các lĩnh vực khác

- Qui hoạch lựa chọn, đào tạo cán bộ lãnh đạo kế thừa để thay thế Ban Tổng Giám Đốc và tham gia HĐQT năm 2017 và nhiệm kỳ tới.
- Quản trị nguồn nhân lực:
 - + Phân loại cán bộ quản lý trưởng phó các đơn vị đầu mối theo độ tuổi và kỹ năng chuyên môn, kỹ năng quản lý, kỹ năng mềm, có tâm huyết và trách nhiệm đặc biệt là cán bộ trẻ, có kế hoạch đào tạo phù hợp để nâng cao trình độ.
 - + Tập huấn thường xuyên đối với lao động kỹ thuật và công nhân trực tiếp về qui trình, qui phạm, an toàn lao động, nâng cao tay nghề,
- Rà soát bổ sung các qui định nội bộ cụ thể hóa các qui định pháp luật, điều lệ hoạt động của Công ty, qui định lại và phổ biến, quán triệt cho cán bộ công nhân lao động hiểu và nhận thức lại, ký kết giao ước: Qui trình, qui phạm, sản xuất, an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, bảo hộ lao động, công cụ hỗ trợ, bảo đảm việc làm thu nhập.
- Thực hiện nghiêm các qui định pháp luật về môi trường, xử lý môi trường, phục hồi môi trường, giảm thiểu tối đa các tác động về môi trường trên tất cả các lĩnh vực sản xuất kinh doanh.
- Thực hiện tốt các nghĩa vụ xã hội trên cơ sở hiệu quả, có trách nhiệm với cộng đồng dân cư, chính quyền địa phương trên địa bàn hoạt động để tạo sự đồng thuận để ổn định sản xuất kinh doanh.

Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

Không có



The background of the page features silhouettes of people against a sunset sky. On the left, a hand is raised with the index finger pointing upwards. In the center, a person wearing a cap is shown in profile, with their hand near their chin in a thoughtful pose. The sky transitions from a deep blue at the top to a warm orange and yellow near the horizon.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

48 Đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty

49 Đánh giá về hoạt động của Ban Giám đốc

50 Kế hoạch, định hướng của Hội Đồng Quản Trị

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá về tình hình thực hiện kết quả kinh doanh:

Chỉ tiêu hiệu quả năm 2013 chỉ đạt 96% so với kế hoạch và 93% so với năm 2012, nhưng so với tình hình chung các doanh nghiệp trong khu vực thì kết quả đó là sự cố gắng phấn đấu rất lớn của tập thể cán bộ công nhân lao động, Ban Tổng Giám Đốc Công ty.

Chi đạo Ban Điều hành thực hiện các mục tiêu chiến lược trong năm 2013:

- ✚ Tập trung củng cố ngành khai thác, chế biến khoáng sản ngành chủ lực để ổn định và phát triển .
 - Duy trì ,củng cố các mỏ hiện có và có phương án để ổn định lâu dài mỏ đá Phước Vĩnh, mỏ đá Tân Mỹ.
 - Hoàn thành đúng tiến độ được cấp phép mới, thời hạn 2 năm (31/12/2015) mỏ đá Tân Đông Hiệp, có ý nghĩa cực kỳ quan trọng trong giai đoạn hiện nay, bảo đảm tính liên tục, tính ổn định là cơ sở để chuẩn bị cân bằng hoạt động khai thác chế biến khoáng sản năm 2016.
 - Cụ thể hóa được các mỏ xin cấp mới theo qui định pháp luật khoáng sản: mỏ đá Minh Hòa, Dầu Tiếng (30ha), mỏ sét gạch ngói Bồ Lá, Phước Hòa, Phú Giáo (30ha) và lộ trình thực hiện chặt chẽ vững chắc.
- ✚ Đầu tư hoàn thành đưa vào sử dụng nhà máy beton đúc sẵn: Công suất 60.000m3 công các loại /năm, 02 dây chuyền sản xuất: 01 dây chuyền ly tâm được cải tiến gia cố bổ sung từ nhà máy cũ di dời đến nhà máy mới, 01 dây chuyền va rung hiện đại mới của Cộng hòa Liên bang Đức.
- ✚ Đầu tư bổ sung các thiết bị máy móc, các hạ tầng kỹ thuật và những trang bị cần thiết khác phục vụ cho các hoạt động sản xuất kinh doanh, xử lý môi trường phòng chống cháy nổ và các hoạt động khác.
- ✚ Chuẩn bị theo lộ trình các dự án đầu tư kinh doanh bất động sản: Khu công nghiệp Đất Cuốc, khu dân cư Bình Đức.

Công tác Quản trị Công ty:

- ❖ Tổ chức sản xuất các đơn vị trực thuộc theo ngành và địa bàn hoạt động mang tính chuyên sâu phù hợp với thực tế từng giai đoạn. Đầu tư tập trung vào các hoạt động kinh doanh chính có triển vọng theo thứ tự ưu tiên phục vụ sản xuất kinh doanh hiện tại và chiến lược dài hạn.
- ❖ Duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2008, kiểm tra đánh giá thường xuyên, giữ vững thương hiệu KSB (Bimico).
- ❖ Kiểm soát chặt chẽ: Qui trình kỹ thuật, hệ thống định mức, hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm soát được tất cả các hoạt động kinh tế phát sinh, phát hiện, ngăn chặn, hạn chế tối đa thất thoát, bảo vệ các lợi ích của Công ty.
- ❖ Bổ nhiệm cán bộ trong Ban Tổng Giám đốc, các đơn vị đầu mối, luân chuyển, điều chỉnh kịp thời, đúng qui trình, đúng chuyên môn đào tạo, có năng lực để thực hiện nhiệm vụ, chú trọng cán bộ trẻ, bảo đảm việc làm và thu nhập cho cán bộ công nhân lao động.
- ❖ Tuân thủ các qui định pháp luật: giám sát, kiểm tra, thanh tra thường xuyên định kỳ, kiểm toán nhà nước... của các cơ quan quản lý Nhà nước được nhận xét tương đối tốt.

- ❖ Thực hiện nghiêm túc các quy định pháp luật đối với Công ty niêm yết: Công bố thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính và các thông tin khác kịp thời đầy đủ rõ ràng minh bạch theo quy định cho Ủy Ban chứng khoán nhà nước, Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP.HCM và website của Công ty.
- ❖ Quan hệ cổ đông : các cổ đông và các nhà đầu tư quan tâm tìm hiểu thông tin về tình hình hoạt động của Công ty để quyết định đầu tư đều được hỗ trợ đầy đủ.
- ❖ Chia cổ tức năm 2012 đúng thời gian quy định và tạm ứng cổ tức 15% năm 2013 cho các cổ đông kịp thời, đầy đủ.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Kết quả đạt được trong năm 2013 vừa qua là thành quả của toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty, là kết quả của sự nỗ lực và tinh thần trách nhiệm của tập thể. Trong đó, vai trò của Ban Tổng Giám đốc là vô cùng quan trọng trong công tác điều hành mọi hoạt động Công ty. Trong năm 2013, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện nghiêm ngặt các quy định Pháp luật đối với Công ty niêm yết về: công bố thông tin, báo cáo tài chính và các vấn đề khác theo quy định cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh.

Bên cạnh đó, Ban Tổng giám đốc cũng đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, chỉ đạo triển khai, đảm bảo chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đề ra. Công tác báo cáo được thực hiện chính xác và kịp thời, giúp cho Hội đồng quản trị có thể nắm bắt kịp thời tình hình Công ty nhằm xây dựng những chiến lược phù hợp và hiệu quả. Ngoài ra, năm 2012, Ban Tổng giám đốc còn hoàn thành công tác tổng kết năm tài chính 2012 và tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2013.

Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị



1. Định hướng chiến lược nhiệm kỳ 3 (2014 đến 2018):

Thông nhất như báo cáo của Tổng Giám đốc đã trình bày trước Đại hội và các bước công việc để triển khai hàng năm các mục tiêu đã đề ra bao gồm các chỉ tiêu sản lượng, doanh thu, nộp thuế, lợi nhuận, phân phối lợi nhuận, đầu tư phát triển: khai thác chế biến khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng, bất động sản và dịch vụ, việc làm và thu nhập của người lao động, các nghĩa vụ xã hội bảo đảm lợi ích của người dân, địa phương nơi có hoạt động khoáng sản và các giải pháp tổ chức thực hiện các chỉ tiêu năm 2014.



2. Chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc điều hành cần tập trung vào các nhiệm vụ trọng yếu sau:

- ❖ Thực hiện ngay các giải pháp được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua để hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014.
- ❖ Bằng mọi biện pháp tích cực nhất tiết kiệm các chi phí đầu vào, hạ giá thành sản phẩm dịch vụ, nâng cao hiệu quả các hoạt động sản xuất kinh doanh.
- ❖ Thực hiện thật tốt tiếp thị bằng nhiều cơ chế thích hợp từng tháng, quý để tiêu thụ hết sản phẩm hàng hóa hạn chế tối đa tồn kho.
- ❖ Thực hiện các dự án đầu tư và hoạt động đầu tư phát triển và mở rộng sản xuất kinh doanh phải đúng qui định pháp luật và điều lệ của Công ty, bảo đảm tiến độ, chất lượng, hoàn thành đưa vào hoạt động ngay.
- ❖ Quản lý chặt chẽ nguồn vốn chủ sở hữu, bảo toàn và phát triển vốn, phải tích cực thu hồi nợ đọng, nợ phát sinh, giảm dư nợ bị chiếm dụng và không có nợ xấu.
- ❖ Rà soát nguồn nhân lực, chuẩn bị cán bộ kế thừa, có kế hoạch đào tạo, tập huấn, cập nhật kiến thức và nâng cao tay nghề, chuẩn bị lao động kỹ thuật để vận hành các dự án mới.

Quản trị công ty





QUẢN TRỊ CÔNG TY

53 Hội đồng quản trị

56 Ban kiểm soát

58 Các khoản lợi ích của HĐQT, BGD, BKS



Hội đồng quản trị

1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Danh sách thành viên HĐQT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Trần Đình Hải	Chủ tịch HĐQT	
2	Lê Hồng Thanh	Thành viên HĐQT	Không điều hành
3	Hoàng Văn Lộc	Thành viên HĐQT	
4	Trần Thiện Thế	Thành viên HĐQT	Không điều hành
5	Trương Hữu Quyền	Thành viên HĐQT	Không điều hành

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

Sơ yếu lý lịch của HĐQT

Ông Trần Đình Hải **Chủ tịch HĐQT – kiêm Tổng Giám Đốc**

Năm sinh: 1956

Nơi sinh: Vũ Hợp, Hoài Ân, Thái Bình

Trình độ: Cử nhân Luật

Quá trình công tác:

- 1983 – 1985 : Kế toán trưởng Sở Lâm Nghiệp Sông Bé
- 1985 – 1990 : Kế toán trưởng Liên hiệp các xí nghiệp gốm sứ Sông Bé.
- 1990 – 1992 : Phó Tổng giám đốc Liên Hiệp các XN gốm sứ Sông Bé
- 1992 – 1993 : Giám đốc Xí nghiệp Cao lanh gốm sứ Sông Bé
- 1993 – 04/2006 : Giám đốc Công ty Khoáng Sản vào Xây Dựng Bình Dương
- 05/2006 – nay : Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Khoáng Sản vào Xây Dựng Bình Dương

Tỷ lệ CP đang nắm giữ: 0,2%

Ông Lê Hồng Thanh **Thành viên HĐQT**

Năm sinh: 1956

Nơi sinh: Hòa Châu, Hòa Vang, Đà Nẵng

Trình độ: Cử nhân Tài chính- Kế toán

Quá trình công tác:

- 1995 – 1999: Phó Cục trưởng Cục quản lý vốn và tài sản Nhà nước tại doanh nghiệp tỉnh Sông Bé
- 1999 – 2004: Chi cục phó Chi cục Tài chính Doanh nghiệp tỉnh Bình Dương.
- 2005 – 2006: Chi cục trưởng Chi cục Tài chính Doanh nghiệp tỉnh Bình Dương.
- 05/2006 – nay: Chi cục trưởng Chi cục Tài chính Doanh nghiệp tỉnh Bình Dương. Thành viên HĐQT CTCP Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương

Tỷ lệ sở hữu: 0,06%

Báo cáo thường niên năm 2013

Ông Hoàng Văn Lộc**Thành viên HĐQT**

Năm sinh: 1956

Nơi sinh: Kỳ Bắc, Kỳ Anh, Hà Tĩnh

Trình độ: Kỹ sư Địa chất công trình

Quá trình công tác:

1980 – 1989 : Phó ban phân vùng kinh tế

- 1989 – 1991 : Trưởng phòng tổng hợp Ủy ban kế hoạch tỉnh Sông Bé.

- 1991 – 1993 : Chi cục phó chi cục QL Tài Nguyên khoáng sản tỉnh Sông Bé

- 1993 – 04/2006 : Phó Giám đốc Công ty Khoáng Sản vào Xây Dựng Bình Dương

- 05/2006 – nay : Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Khoáng Sản vào Xây Dựng Bình Dương

Tỷ lệ CP đang nắm giữ: 0,11%

Ông Trần Thiện Thế**Thành viên HĐQT**

Năm sinh: 1963

Nơi sinh: Tân Lập Phú, Huyện Long Bình, Tỉnh Bình Phước

Trình độ: Cử nhân Tài chính- Kế toán

Quá trình công tác:

- 1985 – 1988: Kế toán liên hiệp các Xí nghiệp Sành sứ Sông Bé.

- 1988 – 1995: Kế toán trưởng Xí nghiệp Sành sứ Sông Bé.

- 1996 – 1997: Kế toán trưởng Xí nghiệp Xây dựng Becamex.

- 1998 – 1999: Phó Kế toán trưởng Công ty Becamex.

- 2000 – nay: Tổng giám đốc CTCP Chứng khoán Đệ Nhất.

Tỷ lệ sở hữu: 0,06%

Ông Trương Hữu Quyến**Thành viên HĐQT**

Năm sinh: 1963

Nơi sinh: Long Bình, Đồng Nai

Trình độ: 6/12

Quá trình công tác:

Tháng 10/1985 – tháng 12/1988: Quản đốc Xí nghiệp Vĩnh Hiệp – gạch ngói Tp. Biên Hòa.

- 1988 – 1999: Giám đốc DNTN gạch ngói Hữu Tín

- 2000 – nay: Giám đốc DNTN gạch ngói Hữu Tín; Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Phương

Thảo; Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Ngọc Quý

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Khoáng sản vào Xây dựng Bình Dương

Tỷ lệ sở hữu: 1,82%

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2013 Hội Đồng Quản Trị thực hiện 04 cuộc họp. Chi tiết tham dự của các Thành viên như sau”

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do hông tham dự
1	Trần Đình Hải	Chủ tịch HĐQT	04	100%	
2	Lê Hồng Thanh	Thành viên HĐQT	04	100%	
3	Hoàng Văn Lộc	Thành viên HĐQT	04	100%	
4	Trần Thiện Thế	Thành viên HĐQT	04	100%	
5	Trương Hữu Quyển	Thành viên HĐQT	03	75%	Công tác
6	Nguyễn Quang Nhựt	Trưởng Ban Kiểm soát	04	100%	

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/2013/NQ- HĐQT	26/10/2013	<ul style="list-style-type: none"> -Thông qua kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh 9 tháng năm 2013 -Thông qua báo cáo tình hình đầu tư các dự án -Thống nhất tập trung chỉ đạo hoàn thành cao nhất các chỉ tiêu còn lại của kế hoạch năm 2013 -Thành lập phòng thị trường, đổi tên Xí nghiệp Bình Đức Tiến thành Ban quản lý khu dân cư Bình Đức Tiến -Thống nhất tạm chia cổ tức bằng tiền đợt 1 năm 2013 là 15% vốn điều lệ trong tháng 12 năm 2013.

3. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành

Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành thực hiện đúng chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ của mình theo sự phân công của Hội đồng quản trị

4. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị

Không có

5. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ô. Trần Đình Hải	Chủ tịch HĐQT
2	Ô. Lê Hồng Thanh	Thành viên HĐQT
3	Ô. Trần Thiện Thế	Thành viên HĐQT



Ban Kiểm soát

1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

TT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Quang Nhật	Trưởng Ban Kiểm soát	
2	Phạm Thanh Tùng	Thành viên BKS	
3	Nguyễn Hoàng Tâm	Thành viên BKS	

2. Sơ yếu lí lịch Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Quang Nhật Trưởng Ban kiểm soát

Năm sinh: 1966

Nơi sinh: Phú Cường, thị xã Thủ Dầu Một, Bình Dương

Trình độ: Cử nhân Tài chính- Kế toán

Quá trình công tác:

10/1995 – 09/1999 : Trưởng phòng Nghiệp vụ Công nghiệp – Xây dựng – Giao thông, Cục quản lý Vốn và Tài sản Nhà nước tại Doanh nghiệp tỉnh Sông Bé.

- 10/1999 – 04/2006 : Trưởng phòng Nghiệp vụ Công nghiệp – Xây dựng – Giao thông, Chi cục Tài chính Doanh nghiệp tỉnh Bình Dương.

- 05/2006 – nay : Trưởng phòng Nghiệp vụ Công nghiệp – Xây dựng – Giao thông, Chi cục Tài chính Doanh nghiệp tỉnh Bình Dương, Trưởng Ban Kiểm Soát Công ty CP Khoáng Sản và Xây Dựng Bình Dương

Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng phòng Nghiệp vụ Công nghiệp – Xây dựng – Giao thông, Chi cục Tài chính Doanh nghiệp tỉnh Bình Dương

Tỷ lệ sở hữu: 0,04%

Ông Phạm Thanh Tùng Thành viên BKS

Năm sinh: 1969

Nơi sinh Biên Hòa, Đồng Nai

Trình độ: Kỹ sư Điện Công Nghiệp

Quá trình công tác:

12/1990 – 09/1993 : Thợ điện Công ty Giấy Tân Mai

- 10/1993 – 08/2004 : Thợ điện Công ty KT&XKKS BD

- 04/2004 – 09/2004 : Cán bộ Ban QLDA NMG Cty Khoáng sản & XDBD

- 10/2004 – 04/2005: Phó Giám đốc NMGBP Cty Khoáng sản & XDBD

- 05/2005 – 05/2006 : Phó Quản đốc PX nước Cty Khoáng sản & XDBD

- 06/2006 – nay : Phó Giám đốc NMG, Thành viên ban kiểm soát Công ty CP Khoáng Sản và Xây Dựng Bình Dương

Tỷ lệ sở hữu: 0,06%

Ông Nguyễn Hoàng Tâm Thành viên BKS

Năm sinh: 1973

Nơi sinh: Sài Gòn

Trình độ: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

12/1996 – 03/2003 : Kế toán Công ty Công trình Giao Thông 710

- 04/2003 – 04/2006 : Kế toán Công ty Khoáng Sản và Xây Dựng Bình Dương

- 05/2006 – nay : Kế toán, Thành viên ban kiểm soát Công ty CP Khoáng Sản và Xây Dựng Bình Dương

Tỷ lệ sở hữu: 0,03%

3. Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Ban kiểm soát có 1 trưởng ban và 2 thành viên, các thành viên đã thực hiện các nhiệm vụ theo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát;
- Đại diện Ban Kiểm soát đã tham gia đầy đủ và đóng góp ý kiến vào các cuộc họp của Hội đồng quản trị, theo sát tình hình hoạt động, định hướng phát triển của Công ty, tình hình thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2013;
- Xem xét các báo cáo về công tác quản lý, điều hành, báo cáo về tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh hàng quý năm 2013 và báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2013 của Công ty;
- Xem xét chỉ đạo và triển khai hoạt động của Hội đồng quản trị cũng như việc thực hiện nhiệm vụ của Ban Giám đốc điều hành;
- Thành viên Ban Kiểm soát dự các phiên họp của Hội đồng quản trị liên quan đến chiến lược phát triển và hoạt động kinh doanh của công ty, theo sát tình hình hoạt động, định hướng phát triển của công ty, tình hình thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2013. Ban kiểm soát cũng nhận được Báo cáo tài chính năm 2013 đã được kiểm toán của công ty, nhận các thông tin về các quyết định của Hội đồng quản trị, Báo cáo tình hình nhiệm vụ, kế hoạch và các biện pháp thực hiện.

**Báo cáo thường niên năm 2013**

Các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát



1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

- Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm Soát:

Trong năm 2013, tổng thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát là: **1.700.000.000 đ**

- Lương, thưởng và các khoản thu nhập khác của Ban điều hành:

Các khoản thu nhập	Lương	Thưởng	TN khác
Giá trị các khoản thu nhập	2.057.010.129	402.500.000	352.890.000

2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ, cổ đông lớn

Giao dịch của Cổ đông nội bộ:

Không có

Giao dịch của cổ đông lớn:

STT	Tên cổ đông lớn	Chức vụ/Liên quan	Số lượng CP trước giao dịch	Giao dịch (Mua/Bán/Cho/Tặng/Thừa kế, ...)	Số lượng CP đã giao dịch	Số lượng CP sau giao dịch	Thời gian thực hiện
1	Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam		2.240.334 (12,45%)	bán	152.250	2.088.084 (11,60%)	15/3/2013
2	Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam		2.088.084 (11,60%)	bán	138.400	1.949.684 (10,83%)	18/3/2013
3	Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam		1.949.684 (10,83%)	bán	169.350	1.780.334 (9,89%)	20/3/2013
4	Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam		1.780.334 (9,89%)	bán	176.320	1.604.014 (8,91%)	23/5/2013
5	Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam		1.604.014 (8,91%)	bán	226.730	1.377.284 (7,65%)	19/6/2013
6	Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam		1.377.284 (7,65%)	mua	2.580	1.235.144 (6,86%)	1/7/2013
				bán	144.720		

7	Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam	1.235.144 (6,86%)	bán	182.110	1.053.034 (5,85%)	8/7/2013
8	Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam	1.053.034 (5,85%)	bán	159.320	893.714 (4,97%)	11/7/2013

3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Không có

4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Trong năm 2013, Công ty cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty về công tác quản trị Công ty. Tháng 6/2013, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua bản "Quy chế quản trị 2013", được xem là mục tiêu, phương hướng để quản trị Công ty hiệu quả.



Báo cáo tài chính

Số: 399 /VNIA-HC-BC

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Tầng 18, Tòa nhà Times Square
22-36 Nguyễn Huệ, Quận 1
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel : +848 3910 0751
Fax: +848 3910 0750
www.deloitte.com/vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 24 tháng 3 năm 2014, từ trang 3 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Võ Thái Hòa
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0138-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 24 tháng 3 năm 2014

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Bùi Văn Trịnh
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1808-2013-001-1

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG
Đại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 24

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Đại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Đình Hải	Chủ tịch
Ông Lê Hồng Thanh	Thành viên
Ông Trương Hữu Quyền	Thành viên
Ông Hoàng Văn Lộc	Thành viên
Ông Trần Thiện Thế	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Đình Hải	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Văn Lộc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Hiệp	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Quang Thung	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thanh Mỹ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Đình Hà	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2013)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không.
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Trần Đình Hải
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG
Đại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		232.881.098.700	252.824.710.857
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	83.664.567.396	89.690.721.507
1. Tiền	111		29.778.160.021	16.638.155.007
2. Các khoản tương đương tiền	112		53.886.407.375	73.052.566.500
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		102.775.807.505	125.689.443.851
1. Phải thu khách hàng	131		102.027.917.784	128.181.120.181
2. Trả trước cho người bán	132		3.893.565.396	2.815.371.018
3. Các khoản phải thu khác	135		3.087.791.130	495.859.487
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(6.233.466.805)	(5.802.906.835)
III. Hàng tồn kho	140	6	41.151.120.966	33.306.547.290
1. Hàng tồn kho	141		41.151.120.966	33.306.547.290
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.289.602.833	4.137.998.209
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.297.021.836	3.214.587.585
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		372.831.432	300.445.606
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		317.610.555	63.861.809
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		3.302.139.010	559.103.209
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+240+260)	200		457.409.004.580	437.940.176.128
I. Tài sản cố định	220		222.920.130.107	204.045.876.020
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	152.110.626.139	99.331.836.993
- Nguyên giá	222		284.126.996.584	205.699.832.816
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(132.016.370.445)	(106.367.995.823)
2. Tài sản cố định vô hình	227	8	1.142.955.231	1.247.912.372
- Nguyên giá	228		2.011.001.600	2.116.596.200
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(868.046.369)	(868.683.828)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	69.666.548.737	103.466.126.655
II. Bất động sản đầu tư	240	10	158.137.919.587	162.004.200.991
- Nguyên giá	241		177.250.751.137	177.250.751.137
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(19.112.831.550)	(15.246.550.146)
III. Tài sản dài hạn khác	260		76.350.954.886	71.890.099.117
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	68.713.383.099	66.293.421.100
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	12	2.528.118.791	2.072.182.256
3. Tài sản dài hạn khác	268		5.109.452.996	3.524.495.761
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		690.290.103.280	690.764.886.985

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNGĐại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		233.458.384.954	243.808.619.085
I. Nợ ngắn hạn	310		51.857.106.316	81.178.534.613
1. Phải trả người bán	312		14.911.581.546	11.933.705.271
2. Người mua trả tiền trước	313		6.537.240.265	31.563.280.695
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	6.875.107.853	3.175.799.745
4. Phải trả người lao động	315		4.461.014.779	11.882.853.856
5. Chi phí phải trả	316		395.748.091	3.293.184.746
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		9.635.019.013	3.755.883.510
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		9.041.394.769	15.573.826.790
II. Nợ dài hạn	330		181.601.278.638	162.630.084.472
1. Dự phòng phải trả dài hạn	337		23.889.375.096	19.650.354.994
2. Doanh thu chưa thực hiện	338		157.711.903.542	142.979.729.478
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400		456.831.718.326	446.956.267.900
I. Vốn chủ sở hữu	410	14	456.831.718.326	446.956.267.900
1. Vốn cổ phần	411		180.000.000.000	180.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		37.000.000.000	37.000.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		164.082.118.241	131.678.773.009
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		28.582.295.095	24.481.753.296
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		47.167.304.990	73.795.741.595
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		690.290.103.280	690.764.886.985

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2013	31/12/2012
I. Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ (USD)	2.768.425	2.801.824
Euro (EUR)	7	7


Nguyễn Hoàng Tâm
Người lập biểu

Lục Thanh Sang
Kế toán trưởngTrần Đình Hải
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2014

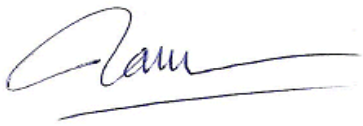
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG
Đại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2013		2012	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		538.559.978.005		569.617.654.404	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		28.330.545		-	
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	15	538.531.647.460		569.617.654.404	
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	16	346.472.508.362		374.930.089.536	
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		192.059.139.098		194.687.564.868	
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	1.904.891.983		4.490.692.875	
6. Chi phí tài chính	22	19	2.408.775.850		1.608.450.167	
7. Chi phí bán hàng	24		52.374.004.007		48.299.150.823	
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		29.163.655.748		29.210.294.674	
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		110.017.595.476		120.060.362.079	
10. Thu nhập khác	31		7.688.087.288		4.432.294.778	
11. Chi phí khác	32		5.187.568.649		3.309.017.424	
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	20	2.500.518.639		1.123.277.354	
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		112.518.114.115		121.183.639.433	
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	21	29.696.974.828		32.340.992.366	
15. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	12	(455.936.535)		(1.538.312.193)	
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		83.277.075.822		90.380.959.260	
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	22				
			4.556		5.552	



Nguyễn Hoàng Tâm
Người lập biểu



Lục Thanh Sang
Kế toán trưởng



Trần Đình Hải
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNGĐại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**MẪU B 03-DN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2013	2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>01</i>	<i>112.518.114.115</i>	<i>121.183.639.433</i>
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	32.812.013.996	26.723.478.406
Các khoản dự phòng	03	430.559.970	4.089.913.487
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(810.303.316)	196.489.067
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(1.603.263.666)	(4.470.060.975)
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<i>08</i>	<i>143.347.121.099</i>	<i>147.723.459.418</i>
Thay đổi các khoản phải thu	09	19.429.500.684	(8.484.868.925)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(7.844.573.676)	(9.018.406)
Thay đổi các khoản phải trả	11	(6.400.627.383)	17.225.873.328
Thay đổi chi phí trả trước	12	(229.523.411)	2.505.829.576
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(27.114.149.555)	(30.617.387.244)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(22.119.014.652)	(20.922.708.084)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>	<i>99.068.733.106</i>	<i>107.421.179.663</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(49.414.859.519)	(81.111.389.134)
2. Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	1.830.675.000	1.527.272.727
3. Tiền thu lãi tiền gửi	26	1.078.993.986	4.293.285.198
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<i>(46.505.190.533)</i>	<i>(75.290.831.209)</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(59.400.000.000)	(46.190.244.400)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(59.400.000.000)</i>	<i>(46.190.244.400)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(6.836.457.427)	(14.059.895.946)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	89.690.721.507	103.947.106.520
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	810.303.316	(196.489.067)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	83.664.567.396	89.690.721.507


Nguyễn Hoàng Tâm
Người lập biểu

Lục Thanh Sang
Kế toán trưởngTrần Đình Hải
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Đại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN CHUNG**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000226 ngày 27 tháng 4 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, và giấy chứng nhận điều chỉnh. Công ty được chuyển đổi từ Công ty Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương, một doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế điều chỉnh số 3700148825 ngày 9 tháng 3 năm 2012, Công ty tăng vốn điều lệ lên 180.000.000.000 đồng. Trong đó, Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước hiện đang sở hữu 50,05% vốn điều lệ của Công ty, các cổ đông khác nắm giữ 49,95%.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 506 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 515 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản; sản xuất, kinh doanh các loại vật liệu xây dựng (không sản xuất gạch nung, ngói nung tại trụ sở chính); sản xuất và kinh doanh nước uống tinh khiết; xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, các công trình giao thông, công trình dân dụng, cụm công nghiệp, điện cơ mìn; kinh doanh nhà ở; sản xuất, gia công và kinh doanh các loại thép hình, cầu kiện bê tông đúc sẵn; kinh doanh xăng dầu; đầu tư kinh doanh khu du lịch; nuôi trồng, sản xuất các mặt hàng nông sản thực phẩm; khảo sát, đo đạc địa hình, thăm dò địa chất và thi công giếng khoan, khai thác nước ngầm.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định**

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Đại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và tài sản dài hạn khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNGĐại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do xây dựng hoặc sản xuất bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 15
Máy móc và thiết bị	3 - 12
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 6

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình, bao gồm quyền sử dụng đất và giá trị phần mềm máy tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất thể hiện các chi phí phát sinh để có quyền sử dụng khu đất 41.632 m² tại xã Tân Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 38 năm. Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

Thuê tài sảnCông ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động thể hiện phần doanh thu cho thuê đất tại Khu công nghiệp Đất Cuốc tại huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất, nhà xưởng và vật kiến trúc tại Khu công nghiệp Đất Cuốc tại huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp đến bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng bắt đầu từ khi đưa bất động sản vào khai thác và sử dụng đến hết thời gian đầu tư của dự án vào năm 2053.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản chi phí đền bù, giải tỏa, chi phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất để khai thác các mỏ đất, đá và chi phí cải tạo các mỏ đá được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng từ một đến ba năm. Riêng các chi phí trả trước dài hạn liên quan đến mỏ đá Tân Mỹ được phân bổ theo sản lượng khai thác theo thời gian hoạt động của mỏ.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNGĐại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cho thuê nhận trước nhiều năm được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Đại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An

Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn cổ phần khi khoản thuế đó có liên quan tới khoản mục ghi tăng vào vốn cổ phần.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các quỹ

Theo điều lệ, Công ty sẽ trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế hàng năm theo tỷ lệ sau:

Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15%
Quỹ đầu tư phát triển	5%
Quỹ dự phòng tài chính	5%

Riêng Quỹ hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát được trích trong năm 2013 là 1.700.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNGĐại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	814.603.091	461.491.000
Tiền gửi ngân hàng	28.963.556.930	16.176.664.007
Các khoản tương đương tiền	<u>53.886.407.375</u>	<u>73.052.566.500</u>
	<u>83.664.567.396</u>	<u>89.690.721.507</u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng bằng đô la Mỹ với thời gian đáo hạn là 3 tháng hoặc ngắn hơn. Các khoản tiền gửi này được hưởng lãi suất cố định 0,3%/năm.

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nguyên liệu, vật liệu	10.192.422.159	5.344.110.082
Công cụ, dụng cụ	441.168.091	227.096.439
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	208.971.978	272.108.879
Thành phẩm	30.293.178.935	27.463.201.890
Hàng hóa	<u>15.379.803</u>	<u>30.000</u>
	<u>41.151.120.966</u>	<u>33.306.547.290</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Đại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU B 09-DN

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2013	56.497.016.483	102.783.841.894	42.908.367.345	3.510.607.094	205.699.832.816
Mua trong năm	3.059.373.600	16.099.680.155	1.177.272.727	27.254.546	20.363.581.028
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	35.977.617.506	25.270.702.540	1.602.536.363	-	62.850.856.409
Thanh lý	(1.066.821.946)	(1.477.492.645)	(650.500.336)	(311.641.900)	(3.506.456.827)
Phân loại lại (*)	(24.545.455)	(140.229.005)	(15.272.727)	(335.423.900)	(515.471.087)
Xóa sổ (**)	(65.193.202)	(165.048.468)	(28.000.000)	(507.104.085)	(765.345.755)
Tại ngày 31/12/2013	94.377.446.986	142.371.454.471	44.994.403.372	2.383.691.755	284.126.996.584
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2013	24.956.762.301	53.345.868.301	26.000.392.747	2.064.972.474	106.367.995.823
Khấu hao trong năm	7.517.342.045	14.449.375.373	6.583.461.256	290.596.777	28.840.775.451
Thanh lý	(1.066.821.946)	(155.492.644)	(650.500.336)	(311.641.900)	(2.184.456.826)
Phân loại lại (*)	(10.568.187)	(66.949.802)	(6.151.538)	(158.928.721)	(242.598.248)
Xóa sổ (**)	(65.193.202)	(165.048.468)	(28.000.000)	(507.104.085)	(765.345.755)
Tại ngày 31/12/2013	31.331.521.011	67.407.752.760	31.899.202.129	1.377.894.545	132.016.370.445
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2013	63.045.925.975	74.963.701.711	13.095.201.243	1.005.797.210	152.110.626.139
Tại ngày 31/12/2012	31.540.254.182	49.437.973.593	16.907.974.598	1.445.634.620	99.331.836.993

(*) Phân loại lại là tài sản cố định hữu hình chuyển sang chi phí trả trước dài hạn thể hiện những tài sản không đủ tiêu chuẩn để ghi nhận tài sản cố định hữu hình theo quy định của Thông tư 45. Giá trị còn lại của những tài sản này sẽ được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong vòng từ một đến hai năm kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013, là ngày hiệu lực của Thông tư 45.

(**) Xóa sổ thể hiện các tài sản đã khấu hao hết và không còn thỏa điều kiện ghi nhận là tài sản cố định hữu hình theo Thông tư 45.

Tài sản cố định bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 29.510.504.367 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 24.983.782.301 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNGĐại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2013	1.807.721.600	308.874.600	2.116.596.200
Xóa sổ (*)	-	(105.594.600)	(105.594.600)
Tại ngày 31/12/2013	1.807.721.600	203.280.000	2.011.001.600
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2013	601.550.372	267.133.456	868.683.828
Khấu hao trong năm	75.477.147	29.479.994	104.957.141
Xóa sổ (*)	-	(105.594.600)	(105.594.600)
Tại ngày 31/12/2013	677.027.519	191.018.850	868.046.369
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2013	1.130.694.081	12.261.150	1.142.955.231
Tại ngày 31/12/2012	1.206.171.228	41.741.144	1.247.912.372

(*) Xóa sổ thể hiện các tài sản đã khấu hao hết và không còn thỏa điều kiện ghi nhận là tài sản cố định hữu hình theo Thông tư 45.

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Khu công nghiệp Đất Cuốc	53.535.705.062	47.400.929.699
Mô cao lanh Tân Lập	1.185.000.000	-
Mô đá Tân Mỹ	645.877.769	5.717.600.000
Mô đá Phước Vĩnh	10.724.650.800	2.373.950.000
Khu dịch vụ	1.594.818.837	-
Khác	1.980.496.269	47.973.646.956
	69.666.548.737	103.466.126.655

10. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất VND	Cơ sở hạ tầng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2013 và 31/12/2013	30.436.883.639	146.813.867.498	177.250.751.137
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2013	4.989.566.112	10.256.984.034	15.246.550.146
Khấu hao trong năm	1.308.446.464	2.557.834.940	3.866.281.404
Tại ngày 31/12/2013	6.298.012.576	12.814.818.974	19.112.831.550
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2013	24.138.871.063	133.999.048.524	158.137.919.587
Tại ngày 31/12/2012	25.447.317.527	136.556.883.464	162.004.200.991

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNGĐại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***10. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)**

Bất động sản đầu tư thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và cơ sở hạ tầng tại Khu công nghiệp Đất Cước tại huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không thực hiện việc xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư vì Công ty có ý định nắm giữ lâu dài bất động sản đầu tư và đồng thời không có cơ sở định giá cũng như không có tài sản nào cùng loại để xác định giá trị hợp lý của những bất động sản đầu tư này.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Số dư đầu năm	66.293.421.100	51.027.631.684
Tăng trong năm	18.684.999.899	24.549.627.427
Phân bổ vào chi phí trong năm	(4.950.598.047)	(9.283.838.011)
Chuyển qua chi phí xây dựng cơ bản dở dang	(11.314.439.853)	-
Số dư cuối năm	<u>68.713.383.099</u>	<u>66.293.421.100</u>

Trong năm, Công ty có thay đổi cách thức phân bổ đối với một số khoản chi phí trả trước dài hạn liên quan đến chi phí đền bù đất đai, làm đường ở mỏ Tân Mỹ từ phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm sang phân bổ theo sản lượng khai thác theo thời gian hoạt động của mỏ. Theo đánh giá của Ban giám đốc, việc thay đổi cách thức phân bổ này nhằm phản ánh hợp lý hơn tình hình khai thác mỏ Tân Mỹ. Nếu thực hiện theo cách thức phân bổ của các năm trước thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ giảm 3.103.433.034 đồng và khoản chi phí trả trước dài hạn sẽ giảm một khoản tương ứng.

12. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm và các năm trước.

	Chi phí phải trả và các khoản dự phòng khác	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	Tổng cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày 01/01/2012	3.809.132.240	(3.275.262.177)	533.870.063
Chuyển sang lợi nhuận trong năm	1.151.708.895	386.603.298	1.538.312.193
Tại ngày 31/12/2012	<u>4.960.841.135</u>	<u>(2.888.658.879)</u>	<u>2.072.182.256</u>
Chuyển sang lợi nhuận trong năm	1.011.502.639	(555.566.104)	455.936.535
Tại ngày 31/12/2013	<u>5.972.343.774</u>	<u>(3.444.224.983)</u>	<u>2.528.118.791</u>

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được bù trừ cho mục đích trình bày báo cáo tài chính:

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(3.444.224.983)	(2.888.658.879)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	5.972.343.774	4.960.841.135
	<u>2.528.118.791</u>	<u>2.072.182.256</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNGĐại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.833.061.289	2.250.236.016
Thuế tài nguyên	816.459.831	390.267.268
Thuế thu nhập cá nhân	-	355.957.331
Phí bảo vệ môi trường	174.908.310	179.339.130
Thuế giá trị gia tăng	1.050.678.423	-
	<u>6.875.107.853</u>	<u>3.175.799.745</u>

14. VỐN CỔ PHẦN

	31/12/2013	31/12/2012
Được phép phát hành:		
Số lượng cổ phần	18.000.000	18.000.000
Mệnh giá - đồng/cổ phần	10.000	10.000
Giá trị (đồng)	<u>180.000.000.000</u>	<u>180.000.000.000</u>
Đã được phát hành và góp vốn đủ:		
Số lượng cổ phần	18.000.000	18.000.000
Mệnh giá - đồng/cổ phần	10.000	10.000
Giá trị (đồng)	<u>180.000.000.000</u>	<u>180.000.000.000</u>

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

Đại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An

Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MÃU B 09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn cổ phần VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Vốn khác của chủ sở hữu VNĐ	Quỹ đầu tư phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VNĐ	Cộng VNĐ
Số dư tại ngày 01/01/2012	107.000.000.000	37.000.000.000	-	160.236.640.656 (73.000.000.000)	20.075.967.659	99.925.444.101	424.238.052.416
Tăng vốn trong năm	73.000.000.000	-	-	-	-	90.380.959.260	90.380.959.260
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	(24.310.661.766)	(15.426.397.060)
Trích lập vào các quỹ	-	-	-	4.442.132.353	4.442.132.353	(52.200.000.000)	(52.200.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(40.000.000.000)	-
Kết chuyển nguồn	-	-	-	40.000.000.000	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	(36.346.716)	-	(36.346.716)
Số dư lợi ngày 31/12/2012	180.000.000.000	37.000.000.000	-	131.678.773.009	24.481.753.296	73.795.741.595	446.956.267.900
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	83.277.075.822	83.277.075.822
Trích lập vào các quỹ	-	-	-	4.100.541.799	4.100.541.799	(22.202.708.994)	(14.001.625.396)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(59.400.000.000)	(59.400.000.000)
Kết chuyển nguồn	-	-	-	28.302.803.433	-	(28.302.803.433)	-
Số dư tại ngày 31/12/2013	180.000.000.000	37.000.000.000	-	164.082.118.241	28.582.295.095	47.167.304.990	456.831.718.326

Trong năm 2013, Công ty đã chia cổ tức đợt 2 năm 2012 là 32.400.000.000 đồng từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2012 với tỷ lệ là 18% mệnh giá và chia cổ tức đợt 1 năm 2013 là 27.000.000.000 đồng từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2013 với tỷ lệ 15% mệnh giá. Công ty cũng trích lập Quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2012 với số tiền là 28.302.803.433 đồng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 10 tháng 4 năm 2013.

Trong năm 2013, Ban Giám đốc Công ty đã tạm trích lập các quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ đầu tư phát triển và quỹ dự phòng tài chính lần lượt là 12.301.625.396 đồng, 4.100.541.799 đồng, 4.100.541.799 đồng và quỹ điều hành của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát là 1.700.000.000 đồng. Số liệu trích các quỹ sau cùng sẽ được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt chính thức tại đại hội thường niên.

Trong năm 2013, lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện của Công ty là 810.303.316 đồng. Khoản tiền này không được sử dụng để chia lãi cho cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNGĐại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***15. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	2013	2012
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	510.296.619.983	548.886.865.190
Doanh thu cho thuê khu công nghiệp và dịch vụ khác	28.235.027.477	20.730.789.214
	<u>538.531.647.460</u>	<u>569.617.654.404</u>

16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2013	2012
	VND	VND
Giá vốn hàng bán	329.655.920.087	362.576.587.067
Giá vốn cho thuê khu công nghiệp và dịch vụ khác	16.816.588.275	12.353.502.469
	<u>346.472.508.362</u>	<u>374.930.089.536</u>

17. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2013	2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	39.179.732.724	57.232.902.744
Chi phí nhân công	51.667.961.467	54.928.550.166
Chi phí khấu hao tài sản cố định	31.882.963.009	25.398.737.967
Chi phí dịch vụ mua ngoài	248.834.099.020	249.061.122.233
Chi phí khác	56.445.411.897	65.818.221.923
	<u>428.010.168.117</u>	<u>452.439.535.033</u>

18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2013	2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi	1.094.588.667	4.435.425.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	55.267.875
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	810.303.316	-
	<u>1.904.891.983</u>	<u>4.490.692.875</u>

19. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2013	2012
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	196.489.067
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.408.775.850	1.411.961.100
	<u>2.408.775.850</u>	<u>1.608.450.167</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNGĐại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. LỢI NHUẬN KHÁC**

	2013 VND	2012 VND
Thu từ thanh lý tài sản	1.950.000.000	1.531.363.636
Tiền được bồi thường	1.676.652.802	-
Các khoản thu nhập khác	4.061.434.486	2.900.931.142
Thu nhập khác	<u>7.688.087.288</u>	<u>4.432.294.778</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	1.441.325.001	1.100.385.128
Các khoản khác	3.746.243.648	2.208.632.296
Chi phí khác	5.187.568.649	3.309.017.424
Lợi nhuận khác	<u>2.500.518.639</u>	<u>1.123.277.354</u>

21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2013 VND	2012 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	112.518.114.115	121.183.639.433
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(2.222.264.416)	(1.497.831.168)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	8.492.049.614	9.678.161.198
Thu nhập chịu thuế	118.787.899.313	129.363.969.463
Thuế suất	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>29.696.974.828</u>	<u>32.340.992.366</u>

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

22. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cơ bản có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2013 VND	2012 VND
Lợi nhuận sau thuế	83.277.075.822	90.380.959.260
Trừ lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	(810.303.316)	-
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	(455.936.535)	(1.538.312.193)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	82.010.835.971	88.842.647.067
Cổ phiếu đang lưu hành	18.000.000	16.000.000
Lãi trên cổ phiếu	<u>4.556</u>	<u>5.552</u>

23. CAM KẾT CHO THUÊ HOẠT ĐỘNG

	2013 VND	2012 VND
Doanh thu cho thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	<u>6.624.163.613</u>	<u>4.275.171.561</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNGĐại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***23. CAM KẾT CHO THUÊ HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các khoản cam kết cho thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	4.499.498.960	4.225.982.516
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	17.653.814.021	15.957.601.846
Sau năm năm	<u>157.965.877.853</u>	<u>149.140.151.490</u>
	<u>180.119.190.834</u>	<u>169.323.735.852</u>

Các khoản cam kết cho thuê hoạt động thể hiện các khoản tiền thuê phải thu từ việc cho thuê đất tại Khu công nghiệp Đất Cuốc với hạn thuê trung bình 47 năm.

24. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty lựa chọn lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và lợi ích kinh tế của Công ty tương đối khác biệt trên hai lĩnh vực kinh doanh khoáng sản và lĩnh vực cho thuê khu công nghiệp. Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp. Kết quả kinh doanh bộ phận trong năm như sau:

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	2013	2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hoạt động kinh doanh khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng		
Doanh thu	520.252.172.167	558.264.466.108
Giá vốn	<u>(333.831.053.265)</u>	<u>(362.576.587.067)</u>
Lợi nhuận gộp	<u>186.421.118.902</u>	<u>195.687.879.041</u>
Hoạt động cho thuê khu công nghiệp		
Doanh thu	18.279.475.293	11.353.188.296
Giá vốn	<u>(12.641.455.097)</u>	<u>(12.353.502.469)</u>
Lợi nhuận gộp	<u>5.638.020.196</u>	<u>(1.000.314.173)</u>

Bộ phận theo khu vực địa lý

Báo cáo tài chính này không trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý bởi vì hoạt động của Công ty chỉ nằm trên lãnh thổ Việt Nam và các khu vực địa lý đó điều không khác biệt nhiều về mức độ rủi ro và lợi ích kinh tế.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG
Đại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn cổ phần, thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	83.664.567.396	89.690.721.507
Phải thu khách hàng và phải thu khác	98.882.242.109	122.874.072.833
Tài sản dài hạn khác	5.109.452.996	3.524.495.761
Tổng cộng	187.656.262.501	216.089.290.101
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	23.034.991.615	14.251.944.927
Chi phí phải trả	395.748.091	3.293.184.746
Tổng cộng	23.430.739.706	17.545.129.673

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNGĐại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Rủi ro thị trường (Tiếp theo)******Quản lý rủi ro tỷ giá***

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này. Giá trị còn lại ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2013	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	58.372.237.119	58.221.896.694	-	-
Euro (EUR)	209.142	197.604	-	-

Như trình bày tại thuyết minh số 27, Công ty có rủi ro tỷ giá phát sinh trong việc thanh toán lại các khoản tiền thuê nhận trước từ khách hàng thuê khu công nghiệp tại ngày 31 tháng 12 năm 2013. Ảnh hưởng của khoản chênh lệch tỷ giá này đã được Công ty đảm bảo bằng việc ký gửi ngoại tệ ngắn hạn tại ngân hàng.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng lâu năm.

Rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNGĐại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)*

	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
31/12/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	83.664.567.396	-	83.664.567.396
Phải thu khách hàng và phải thu khác	98.882.242.109	-	98.882.242.109
Tài sản dài hạn khác	-	5.109.452.996	5.109.452.996
	182.546.809.505	5.109.452.996	187.656.262.501
Phải trả người bán và phải trả khác	23.034.991.615	-	23.034.991.615
Chi phí phải trả	395.748.091	-	395.748.091
	23.430.739.706	-	23.430.739.706
Chênh lệch thanh khoản thuần	159.116.069.799	5.109.452.996	164.225.522.795
31/12/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	89.690.721.507	-	89.690.721.507
Phải thu khách hàng và phải thu khác	122.874.072.833	-	122.874.072.833
Tài sản dài hạn khác	-	3.524.495.761	3.524.495.761
	212.564.794.340	3.524.495.761	216.089.290.101
Phải trả người bán và phải trả khác	14.251.944.927	-	14.251.944.927
Chi phí phải trả	3.293.184.746	-	3.293.184.746
	17.545.129.673	-	17.545.129.673
Chênh lệch thanh khoản thuần	195.019.664.667	3.524.495.761	198.544.160.428

26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của Ban Giám đốc trong năm như sau:

	2013 VND	2012 VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	2.574.193.129	2.480.725.000

Thành viên Ban giám đốc trong năm 2013 bao gồm ông Trần Đình Hà - Phó Tổng giám đốc (bổ nhiệm 01 tháng 7 năm 2013).

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNGĐại lộ Bình Dương, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An
Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***27. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG**

Ngày 16 tháng 6 năm 2009, Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương đã gửi Thông báo số 205/TB-UBND tới Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Bình Dương yêu cầu thu hồi giấy phép đầu tư của những công ty có hoạt động kinh doanh thuộc ngành công nghiệp gây ô nhiễm. Trong số các công ty đó, hiện còn Công ty TNHH SX Thuộc Da Việt Mỹ đang có hợp đồng thuê đất với Công ty với số tiền thuê nhận trước tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 6.083.183.020 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 30.669.108.052 đồng bao gồm 5 công ty). Từ năm 2009, Công ty không ghi nhận vào doanh thu tiền thuê đất của Công ty TNHH SX Thuộc Da Việt Mỹ với số tiền nêu trên. Trong trường hợp công ty nói trên bị thu hồi giấy phép đầu tư, Công ty sẽ phải thanh toán lại toàn bộ số tiền đã nhận được trước đây của công ty thuê đất cùng với khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh tính theo tỷ giá của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 1.838.535.820 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 9.056.216.605 đồng).

28. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 được Hội đồng Quản trị phê duyệt phát hành vào ngày 24 tháng 3 năm 2014.



Nguyễn Hoàng Tâm
Người lập biểu



Lục Thanh Sang
Kế toán trưởng



Trần Đình Hải
Tổng Giám đốc
Ngày 24 tháng 3 năm 2014



Xác nhận của người đại diện pháp luật



TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Đình Hải